

Số mùa xuân

REVUE POUR TOUS

# TU DÂN TẠP CHÍ

DÉPOT-LEGAL  
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE  
TONKIN

16934



Dépôt-legal  
Hanoi le 17 Février 1932



## 四民雜誌

CLICHE AN-PHONG

Cơ quan truyền bá văn-chương và khoa-học  
MỖI TUẦN LÉ RA MỘT KỲ





BỆNH QUỶ ĐÃ CÓ THUỐC TIỀN  
Dau mắt không gì bằng dỏ  
nước **QUANG-MINH**

Vậy các ngài đau mắt, bất cứ nổi nhiều tia máu, hai mắt đỏ  
ngầu, hoặc nhiều rử, lúc nhìn vật nọ vật kia, lờ mờ không rõ, trông  
ra bóng nắng ha<sup>i</sup> mắt đều hoa và lóa cả lên, hay đau quá sinh ra  
mạng khời che người; vậy kíp dỏ nước này sẽ thấy kiến hiệu một  
cách mau chóng, mua thuốc xin nhận kỹ hai chữ Đại-Quang kéo mà  
liền mắt lại tạt mạng. Trong hộp đã có ống bơm dễ dỏ.

Mỗi lọ : . . . . . 0\$20

# ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, Hanoi — Giấy nói 805

Haiphong Đại-lý: N° 78, 80, Viễn-Xương phố Khách

Bản Dược-Phòng và các nơi đại-lý đều có sách thuốc biểu

## GIẢI THƯỞNG 500\$00

Tên khách Sui-A-Seng ở phố Poterie Nam-dinh làm thuốc ngã nước sốt rết sốt nóng  
giả mạo tên hiệu Phúc-Dinh Père, bán 0\$25 một gói để lừa người không biết.

Tòa án Haiphong đã kết án tên khách ấy 3 tháng tù và bồi thường 500\$00 cùng các  
tiền án phí nữa cho hiệu Phúc-Dinh Père ở gốc hàng Kền « Cây-thị » số 88 Hanoi.

**Nếu ai bắt được tên nào giả mạo tên hiệu Phúc-Dinh Père, sẽ lĩnh thưởng  
500\$00.**

Hiệu Phúc-Dinh Père đã chữa khỏi hàng mấy triệu người ngã nước, sốt rết, sốt  
nóng, cảm, cúm, rức dầu, đau xương, đau tức, đầy hơi, phồng thất, đau bụng kinh  
niên, đau dạ dày, lậu, tim-la, đi tả, trẻ con cam sài và đủ các thứ thuốc khác nữa, danh  
tiếng nổi khắp cõi Đông Pháp và các nước M. Gentizon và M. Vild. Ingénieurs ở Paris  
có gửi giấy khen và bảo hiệu Phúc-Dinh Père gửi t' nước sang để Ngài gửi đi bán giúp  
các nước, rồi Ngài sẽ lấy bằng các nước cho. M. Gille Georges Chánh (Douanes) Cầu  
Giát, M. Apos'oli Chánh (Douanes) Hà-Trai M. Robert Kraemer ở Service Santé Hongay  
và các quan tây khác có cho nhiều Certificats khen nhiều thứ thuốc rất hay.

Thơ và Mandat xin cứ đề Phúc-Dinh Père dit Trần-viết-Bính Boulevard Gia Long N° 88  
Hanoi.

Téléphone N° 880.



# TỨ DÂN TẬP CHÍ

REVUE POUR TOUS

Cơ quan truyền bá văn-chương và khoa-học

MỖI TUẦN LÊ RA MỘT KỲ



**Giá mua báo  
ĐÔNG - PHÁP**

|               |       |
|---------------|-------|
| Một năm. . .  | 5p.00 |
| Sáu tháng . . | 2 50  |
| Ba tháng. . . | 1 30  |
| Mỗi số. . . . | 0 10  |

**Ngoại quốc**

|               |       |
|---------------|-------|
| Một năm. . .  | 7p.00 |
| Sáu tháng . . | 3 50  |

Fondateur : H. TISSOT

Résident Supérieur honoraire

CHỦ-NHIỆM : TIẾT-KIM-BẢNG

TRỊ-SỰ KIỂM QUẢN-LÝ : TIẾT-NHƯ-NGỌC

**Tarif des abonnements  
INDOCHINE**

|               |       |
|---------------|-------|
| Un an. . . .  | 5p.00 |
| Six mois. . . | 2 50  |
| Trois mois. . | 1 30  |
| Le numéro. .  | 0 10  |

**Hors de l'Indochine**

|               |       |
|---------------|-------|
| Un an. . . .  | 7p.00 |
| Six mois. . . | 3 50  |

## TỨ DÂN TẬP CHÍ

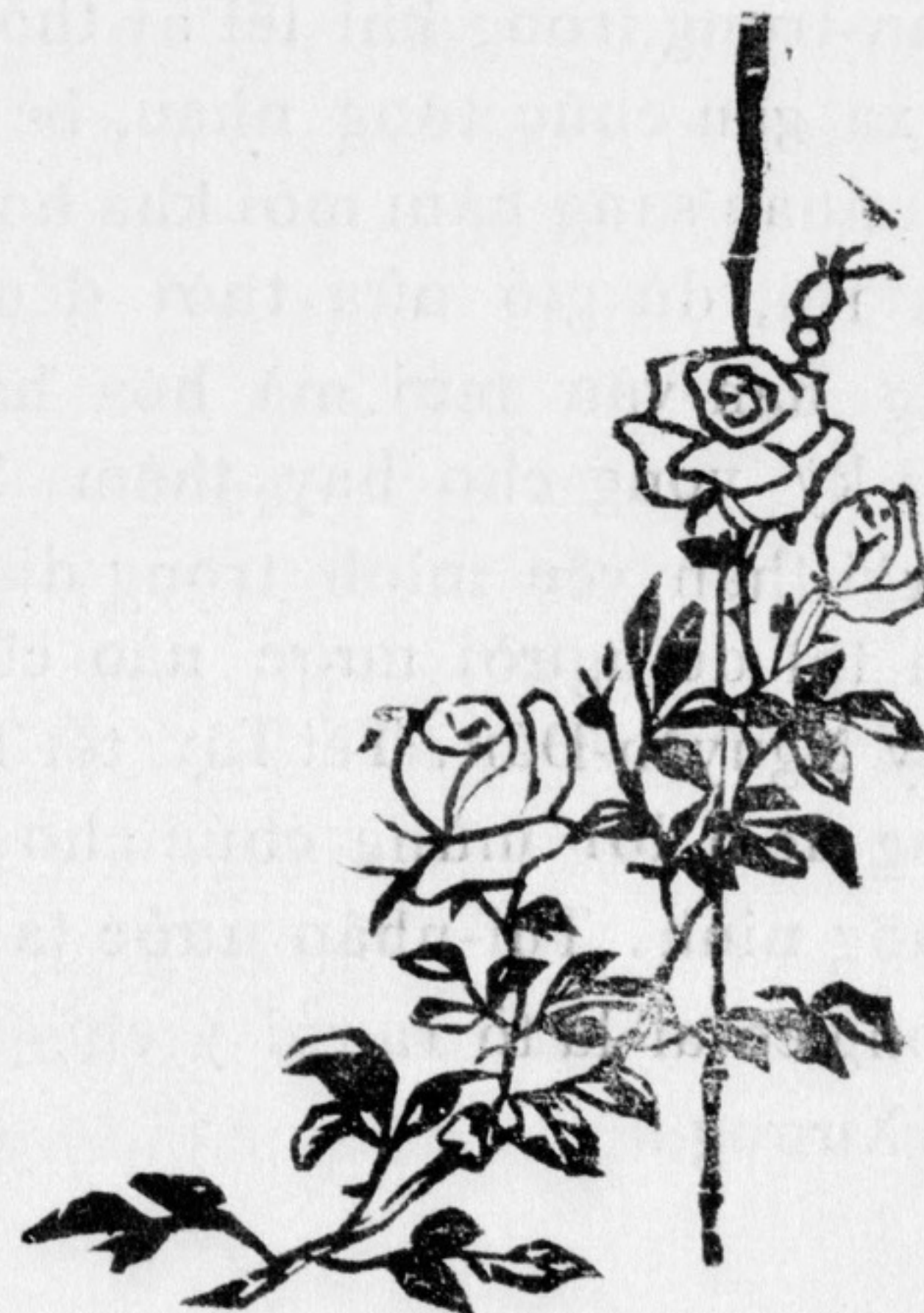
CUNG CHÚC TÂN NIÊN

### MỤC LỤC

### SOMMAIRE

Kính cáo cùng quý Độc-giả  
Nam âm thi thoại  
Câu chuyện thuốc  
Tổ chim ăn được  
Những điều ngang chương nên bỏ  
Văn dịch  
Kiều tập thơ cổ  
Tình sư đệ  
Cải chế độ gia đình của ta ngày nay tiến  
hóa ra làm sao?  
Viếng trận địa Verdun

Lettre à nos chers abonnés  
Poésies annamites  
Causerie médicale « Les ascarides  
lombricoïdes.  
Nids d'oiseaux comestibles — Nids d'hi-  
ronnelles.  
Propos inconvenients  
Fables de la Fontaine (avec traduction  
annamite).  
« Le savetier et le Financier »  
« Cheval s'étant voulu venger du cerf »  
Extraits du « Kim Vân Kiều »  
Devoirs d'élèves envers leurs professeurs,  
Education familiale.  
La grande guerre « Sous Verdun »





## Kính cáo cùng các quý Độc-giả

Bản-chí phải nghỉ trong mấy tháng nay, để các bạn phải mong đợi, thực là vạn bất đắc dĩ. xin các ngài lượng thứ cho. Chúng tôi tưởng rằng không sao mà lại tái bản nổi thì thực là phụ tấm lòng quang cố của các quý-hữu. Ngày nay lại ra được thể này là may cho chúng tôi quá.

Nguyên từ ngày xuất bản, chúng tôi đã gặp biết bao nhiêu là nỗi khó khăn. Vốn chúng tôi đã đơn lưng không có công-ty hợp cổ gì. Một mình lo liệu trăm đường. Chung gian lại càng gấp khúc nữa, tiền mua báo các nơi chậm giả, phần thì phải hai nhà đại-lý phế nghiệp bỏ đi đâu mất, lại chính người thu tiền cho Bản-chí cũng cuôm mất một ít chồn đi. Thành thử việc lý tài rất quẩn bách.

May mà chúng tôi được các bạn đồng-trí dúp sức về văn bài, cũng một lòng theo đuổi với chúng tôi cho đến mục đích, không ngại khó nhọc, dầu tốn bao nhiêu tâm huyết cũng không tiếc, chỉ cốt bồi bổ cho Bản-chí được cơ sở vững vàng, để được có ích cho đồng-bào. Tấm lòng công ích quý thay !

Các bạn thấy tình cảnh ngặt nghèo như vậy, nhất định không lấy tiền nhuận bút bao giờ. Thực chúng tôi xin minh tâm báo tạ.

Bất hạnh mới đây mấy vị dúp chúng tôi lại vừa ty trần, như ông Lý-nguyên-Bách, nguyên Thống-sứ phủ phán sự, một tay tân-học có tiếng, đã dúp chúng tôi được nhiều việc ; ông Nguyễn-minh-Lưu cháu cụ Phó-bảng Nông-sơn, là tay biên tập rất có ích cho chúng tôi. Hai ông sớm vội miền cực-lạc.

Lại nhiều ông vì phải đi xa không gửi bài dúp chúng tôi được.

Ấy là mấy cái nguồn cơn mà chúng tôi phải đình bản trong mấy tháng giờ.

Mong rằng các quý độc-giả lượng tình mà dung thứ cho.

Từ nay chúng tôi hết sức sửa sang, lại ra đều. Xin các bạn quý trọng của Bản-chí quang-cố cho. Ngài nào yêu Bản-chí, hoặc mua năm, nửa năm hay ba tháng xin gửi tiền trước cho. Bản-chí vững được cũng là nhờ ở các bạn dúp cho mới nổi.

Tứ Dân Tập-Chí kính cáo

### NAM ÂM THI THOẠI

#### III

## Những sự chúc mừng của ta trong thơ văn quốc-âm

Người nước ta đã coi mấy ngày tết năm mới là quan-trọng, trong khi tết ấy thời người nhà người họ xa gần chúc tụng nhau, bè bạn thầy trò mong mỏi nhau sang năm mới khá hơn trước. Năm cũ đã qua rồi, dù giờ nữa thời đến năm mới cũng đi sang hạn-vận mới mà hóa hay ; nếu đã hay rồi thời kỳ vọng cho hay thêm. Sự chúc mong cho người thân yêu mình trong dịp năm mới khá hơn xưa thì dù người nước nào cũng tỏ lộ ra trong ngày Nguyên-Đán. Tết Tây, tết Tàu, người các nước cũng đem lời mừng chúc cho nhau phú quý thọ khang ninh. Thi-nhân nước ta đối với sự chúc ấy không có ai là tỏ ra cái ý chế-dễu cả. Duy có ông Tú Xương :

*Lẳng-lặng mà nghe nó chúc nhau,  
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.  
Phen này có lẽ ông buồn cõi,  
Thiên hạ bao nhiêu đũa giã giàu.*

Bài này ông Tú Xương thấy người ta chúc thọ nhau nhiều quá, nên ông nghĩ rộng ra rằng : nếu mà ai ai cũng thọ cả, ai ai cũng sống lâu đầu bạc răng long cả thời nghề buôn cối giã giàu có lẽ phát tài. Ông là một người nhà nho nghèo, nếu nhiều ông già thời ông xoay nghề bán cối giã giàu có lẽ phát được.

*Nó lại mừng nhau cái sự sang,  
Thằng thì bán thước đũa mua quan.*



*Phen này có lẽ ông buồn lọng,  
Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.*

Bài này là bài ông Tú Xương nghe thấy người ta chúc nhau thăng-quan, thi-đỗ, ông liền cảm-tưởng rằng: nếu ai ai cũng đỗ cả, tất phải dùng lọng nhiều. Quan sang ở đời ông hay đi lọng đi cang. Ông nghèo, nếu nhiều người thăng-quan thi đỗ chắc ông xoay ra buồn lọng thời có lẽ phát tài.

*Nó lại mừng nhau cái sự giàu,  
Tiền rìng bạc bẽ xếp vào đâu?  
Phen này có lẽ gà ăn bạc,  
Đồng rưng đồng rơi lọ phải cầu.*

Bài này là ông Tú-Xương thấy ai ai cũng chúc nhau giàu, ông cảm-tưởng ngay rằng: Ai ai cũng có tiền cả thời đến gà ăn không hết bạc, thời ông còn cầu gì nữa. Dù có nghèo nhưng đồng rưng đồng rơi người ta cũng không cần nữa. Huống ehi ông.

*Nó lại mừng nhau được lắm con,  
Sinh năm để bầy được vương tròn  
Phổ phường chật hẹp người đông đúc,  
Bồng-bể nhau lên nó ở non.*

Bài này là ông thấy nhiều người chúc nhau câu: « đa-tử, đa-tôn, đa-phú-quý; đắc tài, đắc lộc, đắc trường-sinh ». Vậy thời các điều phú-quý, tài lộc, trường-sinh ông đã nói rồi; câu « đa-tử đa-tôn » đến đây ông lại dấn nốt. Ông cho rằng: Nếu ai ai cũng sinh năm để bầy nuôi nấng trọn vẹn được cả thời phổ phường chật ở chẳng hết người. Chật đất thời phải lên núi non ở mới đủ. Con cháu khi mới ở rừng.

Những sự người ta chúc nhau là sự tất-nhiên, câu khăn-đầu. cũng không phải là hủ tục hay quá đáng phiền-phức gì. Không hiểu ông Tú-Xương làm sao mà chơi bốn bài thơ có giọng khinh bạc, chế dễu khinh bỉ thời thật là quái-ác quá.

Thơ ông Tú-Xương thời hay lắm! Thơ nôm kể như thơ ông hoạt-bát tự-nhiên, không có gò gẫm điển-tích khó khăn gì. Đọc lên là tuồn-tuột chảy lời như thể nước sông Nhị-Hà chảy ra bể. Toàn nhiên là chữ nước nhà, trong câu thơ bài thơ không có vẻ gì là kkkó nhọc, thật là một áng thơ có số hạn ở làng thơ ta. Tôi rất yêu thơ ông Tú-Xương lắm. Song mấy bài thơ này tôi rất là không ưa. Không phải nói về lời thơ, vì lời trong bốn bài này cũng như các bài khác, đều trơn-tru tự nhiên rất mực cả. Nói về ý tưởng các bài ấy thời tôi lấy làm vô vị cái nỗi thấy người ta chúc nhau mà nghĩ

man mát rộng ra đến quá nhời như mắng nhiếc cả người già, quan sang, kẻ giàu, người có con có cháu vậy. Có lẽ vì ông Tú-Xương nghèo, thì mãi không đỗ, bất đắc chí suốt đời, nên « cảnh duy tâm tạo » mắt đeo kính đen cho nên trông thấy vật gì cũng ra đen cả.

Cái cảnh nghèo của ông bày ra cả ở trong bài thơ tiền ông Táo, như dưới này, tuy có những chữ thật tục, kể về phương-diện mỹ-lệ thời bài thơ ấy rất là bi-cảm phản-uất lời lẽ phải cảnh và phải thể:

*Hôm nay tháng chạp hai mươi ba.  
Ông Táo lên giờ hót chuyện ta.  
Trống hếch trống hơ nhà đ.... bụt,  
Lạnh ngơ lạnh ngắt bếp l.... ma.  
Cơm không thơm dạ con eo-óc,  
Váy chẳng che đùi vợ suýt-xoa.  
Chắc hẳn giờ ghen hay chữ quá,  
Thà rằng đốt đ.... nữa cho qua!*

Lại bài thơ « tuế-mộ hữu-cảm của ông:

*Bố ở một nơi con một nơi,  
Bấm tay tháng nữa hết năm rồi.  
Văn-chương ngoại-hạng quan không chấm,  
Nhà cửa giao-canh nợ phải bồi.  
Tin bạn hóa ra người thất-thỏ,  
Vi ai nên nổi chịu lầm vôi.  
Ba mươi một tuổi là bao chốc,  
Lận suối chèo non đã mấy hồi.*

Vì cái cảnh nghèo ở trong bài thơ tiền ông Táo và bài thơ lúc sắp tết như thế cho nên tết đến cũng thấy người ta chúc nhau, ông mới ghét đến cả những lời chúc-tụng của những người giàu có đặc-chí hơn ông ấy ư?

...

Tôi thấy cái thơ câu dạn bão của một nhà thi-nhân nước ta ấy không chánh đáng, tôi nghĩ đến thi-nhân các nước người ta chuyên hẳn cái nghề lấy ngôn thơ ra mà làm cho tâm hồn người đọc được êm-ái, đưa người ta những cảnh du dương. Nhà thi-sĩ là một người cùng tạo-vật cùng tiếp-súc, lấy cái tiếng nỉ non, cái điệu dẻo-dắt mà đưa xã-hội nhân-quần vào một cái cảnh-giới êm-dềm hòa-thuận, thương yêu lấy nhau, quý mến lấy nhau mà hưởng thú đẹp thú xinh của tạo-vật, có bụng từ-bi, có lòng hi-xả, đừng có tương tàn, tương sát lẫn nhau. Rồi có khi tôi xin nói chuyện đến thơ Tây thơ Tàu. Thế mà thi-nhân nước ta, chỉ lấy « cái tôi » làm trung-tâm thơ từ. Hễ thân chẳng bằng ai là



tiện-thị khinh đời, chửi đời. Rút cục chỉ-hướng mình thời thế nào ? Nay xin xem cái «ngẫu-hưng» của ông Tú-Xương ta :

Xấp-xỉ ba mươi mấy tuổi đầu,  
Trăm năm tình đốt hần còn lâu.  
Vi dù thi đỗ làm quan lớn,  
Thời cũng nhà to cưới vợ hầu.  
Đất nọ vẫn thường khi có trạch,  
Bề kia nhiều lúc cũng giồng giàu !  
Hôm nay rồi-rãi buồn tình nhĩ ?  
Thử xuống Hàng Thao đập ngón châu.

Vậy thế thời ra vì ông muốn thi đỗ để làm «quan lớn» để cho được «nhà to, cưới vợ hầu»; song vì «văn-chương ngoại-hạn quan chẳng chấm» nên «thi không ăn ột thế mà cay». Ông cay cho đời ông không được khoa hoạn vừa lòng, đến để «tiền chữa vào tay đã hết rồi» mà luôn luôn «xuống Hàng Thao đập ngón châu» bất-đắc-chí thời vất đó chẳng ? Than ôi ! cái học chữ nho thơ phú bát-cổ gây ra một cái quan niệm chỉ học để đỗ làm quan; đắc-chí thời cho là công-thành danh-toại, «nhà to vợ hầu», ra bộ «trí-quân trạch-dân»-bất-đắc-chí đâm ra «oán đời» chứ không phải «chán đời» như các nhà bảo-trì chủ nghĩa yếm-thế ở Âu Mỹ đâu. Bởi vậy, cho nên gây cho chúng ta ngày nay một cái thi-đàn văn-xã thật là lợ-thơ nghèo hèn quá ! Các cụ ta để lại cho ta không còn có một cái hương-hỏa gì đáng giá trọng văn-chương học-thuật cả. Xuống trường Bắc-Cổ mà coi, qua Phố Hàng Gai mà chọn, sử sách thơ truyện nước ta chẳng có chi là có giá-trị đủ đem ra mà xánh vai cùng thi-nhân học-giả nước ngoài. Bởi san thế ? Bởi cái quan-niệm về sự học và về thân-thế của thi nhân học-giả nước ta tầm-thường hèn-bạ lắm. Ta cứ xem những bài thơ khai-bút và những bài chúc mừng cảm-tưởng của thi-nhân nước ta trong dịp tết Ta mà truyền-tụng lại đó thời biết. Thôi, nhưng đương lúc vui tết nói chuyện thế cho buồn ! Xin lỗi các ngài. Mời các ngài vào chơi cái lầu tư-tưởng chỉ-hướng của cụ Yên-đồ. Nay cảm-tưởng của cụ Tam-Nguyên Nguyễn-Khuyến ta về tết :

Nghĩ ta ta cũng xướng ru mà,  
Mình thấy con ta dựng được nhà.  
Năm mới lệ thường thêm một tuổi,  
Cô bàng ngói đã chốc bán ba.  
Chén men đến bữa nghiêng bầu dốc,  
Chữ đại đầy năm sỗ mứt ra.

Một củ thủy tiên đâm bằng khóm.

Xanh xanh như thẻ thập-thò hoa.

Đây, cái sướng của thi-nhân nước ta nó «nhà quê» mà tầm-thường như thế. Đây, bài thơ chỉ cái chủ-nghĩa «cái tôi» (Le moi). Chẳng thấy cảm-hứng gì năm tháng thời-tiết, tạo-vật cỏ cây, nói đến Vũ-trụ hoàn-cảnh, bàn đến việc ngoài thân-thế mình cả. Ai bảo được là «Siêu-Nhân», ai bảo được là «Mỹ-cảm» ?

...

Cái mê-tin về năm mới bắt đầu làm việc gì cũng phải chọn ngày tốt cầu may, thấy trong làng thơ ta cũng có. Ngày tết ra cũng còn làm thơ khai-bút. Lựa từng lời, chọn từng chữ, giữ sao cho kín, chỉ sợ «sái» thời nguy to (!) Xem bài khai bút của quan Hiệp Đào này thời biết :

Năm mới (?) mấy tuổi biết chi chưa ?  
Ngắm nghĩa mây râu cũng đã vừa !  
Chén rượu nhớ hoài ngư vi lớp trước,  
Cung đàn quên bằng chuyện ngày xưa :  
Mẹ già tám kỷ trông khuya sớm,  
Vua trẻ nhiều năm gọi nước mưa.  
Mấy dặm quan-san xa gián-cách,  
Bụi tùm khóm trúc hãy còn tro.

Đến «ngẫu-hưng tết» của ông Nguyễn-công-Trứ :

Ai dám chê ta tết nhất nghèo,  
Nghèo mà lịch-sự đổ ai theo.  
Bánh chưng chất chặt chừng ba góc,  
Rượu thuốc ngâm đầy độ nửa siêu.  
Trừ-tịch kêu vang ba tiếng pháo,  
Nguyên-tiêu cao ngất một gang nêu.  
Ai xuân, anh cũng chơi xuân với  
Chung-đỉnh ơn vua ngày tháng nhiều.

Bài này cũng vẫn ở trong phạm-vi chủ-nghĩa «cái tôi», duy cảnh-huống khác thời lời lẽ khác.

Nhưng thử đọc tất cả mà xem. Hỏi rằng : Có thứ gì cho ai chửa ? Câu chuyện bánh chưng kém rượu, rượu thuốc ít, pháo hiêm, nêu ngắn, chưng đỉnh ơn vua. Than ôi ! ấy cũng là một cái tâm hồn ! Cũng là một câu than vãn ! Than bánh chưng kém, rượu thuốc ít, than pháo hiêm, nêu ngắn, lại còn sợ sái hay sao mà đeo thêm cái miếng đỉnh chưng vào nữa. Ấy các cụ truyền lại rằng : Về sau ông Nguyễn-công-Trứ đỗ đạt làm đến quan to, vì lúc nghèo làm bài thơ đã nói đến dĩ-nh-chung chung-đỉnh vào rồi. Thi-Xăm đấy !



Ta lại mở tập thi tập-văn của Xuyến-Ngọc Hầu có bài « khai bút năm Ất Sửu ».

Ngày Nghiêu tháng Thuần hãy còn dài,  
Nói với anh em chớ dễ nhau  
Kìa chuyện Ban Siêu còn ném bút,  
Nợ thơ Tư-Mã lúc đề câu.  
Rồng mây hội trước là duyên cả,  
Xe ngựa đường nay có hẹp đâu ?  
Năm mới xông nhà xuân chật rích,  
Trăm hoa mừng thấy nở nang thay.

Ông này làm bài thơ này ý chừng lúc hãy còn vị-ngộ, chưa thi đỗ, chưa được phong-hầu. Tết đến nhà nho quyết lòng kỳ-vọng cho được phú-quý công-danh để khỏi người đời khinh-bĩ đấy.

Bài thứ hai rằng :

Thấm thoát thời oanh đã nửa trăm,  
Gương soi mái tóc mới hoa dâm.  
Mỗi năm mỗi trẻ xuân thiên-địa,  
Càng tuổi càng già chuyện cổ cām.  
Sẵn có giới che cùng đất chổ,  
Bận gì rượu chúc với thơ ngām.  
Một nhà hãy tỏ phương từ hiều,  
Chung-đỉnh còn nhiều chớ vội lām.

Bài này ý chừng là lúc đã được « giới che cũng đất chổ ». được vua thương yêu, tuổi cao, con cháu có, đặc-y còn mong cho tử-tôn còn hưởng nghiệp đỉnh chung đây !

...

Ông Cử Trình-dinh Rư cũng có một bài thi-ca liên-hành khai-bút :

Tân-niên khai-cử bút,  
Tự-tự đối xuân tàn,  
Thả hỉ kim-niên ngộ,  
Sai thù khứ tuế nhān.

Thấy xuân ta lại mừng xuân,  
Cái xuân này hẳn khác phần xưa kia.  
Nước non gặp hội bây giờ,  
Người vui lại được năm vừa gặp xuân,

...

Khí niên xuân dĩ quá,  
Kim tuế xuân phục lai.  
Trục-nhật xuân trường tại,  
Hà-niên bút bất khai.

Duyên văn-chương hãy còn dài,  
Cái xuân còn trẻ con người còn non.  
Trăm năm đất cứ xoay tròn,  
Gặp xuân ta cũng lại còn thơ xuân,

Bài này có vẻ lãng-mạn ra thơ lām. Phong-hội mở-mang, tuy thơ ông Cử Rư cũng vẫn là « thanh xuất ư-lam » nhưng xem ra cũng gần đi thoát được ra ngoài cái chuồng cũ « cái tội » của thơ ta. Cận-lai xem ra ông Cử viết bài đăng ở các báo, ông cũng đã chán ghét cái khuôn sáo thơ tự-thân, tự-thuật, tự-cảm, tự-sầu v. v... của các cụ tiền-thi-nhān ta. Ông đương hô hào cho mọi người có khuynh-hướng cao-thượng hơn lên. « Thấu lām ta ty, bi sâu oán hận » riêng cho thân-thể một người làm thơ, còn có thú vị gì cho ai !

...

Cách đây 8 năm, một tết tôi cũng hứng bút làm thơ « khai-xuân » :

Ngọn bút tân-niên ừ cũng khai,  
Đã khai thời quyết một đôi lời.  
Văn-chương Đồng-Giả tài nên chúng,  
Sự-nghiệp Đào-Chu chi tột loài.  
Giới đất giọt ngang tay tuần kiệt,  
Non sông gánh vác sức anh tài.  
Muốn sao ta cũng làm cho được.  
Danh-dự nghìn thu há kém ai !

Đó là hồi tôi 27 tuổi. Vì tôi học ông Âm-Păng nhiều Ông có bài thơ « tự lệ » nghĩa ra tự răn mình, tôi cũng lấy « yên-sĩ-phi lý-thuần » (Inspiration) ở đấy mà ra. Thiết-tưởng một kẻ thiếu-niên cũng được phép làm ra một bài thơ viết dán trước bàn học để hằng ngày cố sức học-hành nghiên cứu. Họa may mười voi được bát sáo nào chẳng ? Nhưng từ năm ấy đến nay, tôi tự-nhiên có cái cảm-tưởng thích về khoa-học, tôi giữ giấy đi xin học hàm-thụ về nghề-thuốc. Thành ra chán làm thơ. Vả đôi khi rồi học hành Pháp-văn thêm, được đọc lām thơ Lamartine, Boileau, Beaudelaire, Paul Verlaine, Alfred de Musset, Victor Hugo, tôi nhìn lại làng thơ nôm ta trừ bà Huyện Thanh-Quan là có vẻ đặc-sắc, cô Xuân-Hương có vẻ chưa chát, còn thời lỗ-mô phần nhiều chỉ là lối thơ riêng tả-thân tả-thể của các thi-sĩ ta. Từ đấy tôi nhìn các ông thi-sĩ mới ra đời, rập-lai (Copier) khuôn sáo cũ, tĩnh từ sâu bị cảm-hứng hẹp-hòi quá. Tôi vẫn ước ao cho thi-giới nước ta được cải-quan. Vậy các ngài xem các bài thơ tôi trích ra ở trong bài này tiền-bối chúng ta có đáng để cho ta nhìn vào tiền-bối nước người mà tủi thân hổ-phận làm con cái các cụ đó không ?

HỒNH-LIỆU



# Tồ chim ăn được

YẾN SÀO (Yến oa)

Yến-sào nghĩa là tồ chim yến, cũng có người gọi là yến oa nhưng tiếng yến oa không thông dụng, thực là một vị ăn rất quý rất bổ. Ai ai cũng đã biết, dầu chưa được nếm cũng biết tiếng. Chúng tôi xin tường thuật ra đây để các quý độc-giả được rõ thêm yến-sào là chất gì, tại sao mà bổ. Những nơi nào có cách thức đó lấy thế nào, nếu thế nào mà ăn, vân vân...



Tỉnh Quảng-Nam (Trung-kỳ) xuất sản thứ yến-sào có tiếng. Hiện nay đến cả người Âu-tây cũng đã quen dùng. Tại Ba-lê (Paris) mấy hàng cơm to cũng có nấu theo y như lối nấu Việt-Nam.

Còn ở đây thì trong Trung-kỳ các nhà phong lưu đài các dùng nhiều lắm. Trong Nam-kỳ và Bắc-kỳ cũng dùng. Nhất là những người Hoa-kieu (khách) giàu có thì càng dùng nhiều nữa mà họ cũng cho yến Quảng-nam là quý nhất.

Con chim yến này là một thứ yến lông đen. đuôi lõm dõm, tiếng kêu lanh lảnh, tên chữ pháp là « Salangane » — Nó làm tổ ở cái núi đá cao ở bờ bể Trung-kỳ. Nam-kỳ, Côn-lôn. Tại Ấn-độ Hòa-lan (Indes Néerlandaises) Nhật-bản (Japon) Siêm (Siam) Mã lai (Malaise) Tây-lan (Ceylan) và ở Trung-hoa (Chine) cũng nhiều nơi có. Hải-đảo Úc-châu, Thái-bình-dương cũng có thấy.

Ngay vịnh Hạ-long ngoài Bắc-kỳ cũng có ít nhiều yến ấy.

## Sự tích

Nước ta mới tìm ra thứ yến này độ hơn trăm năm nay. Đức Thế-tổ (Gia-long) hằng lo việc làm cho trong nước giàu thịnh. Ngài xuống sắc chỉ rằng trong nước ai tìm ra được những thực phẩm gì có thể làm mối lợi to cho thương trường thì sẽ được trọng thưởng.

Khi bấy giờ có một người dân tỉnh Quảng-Nam tìm ra được yến-sào. Đức Thế-tổ lấy làm đẹp lòng lắm. Ngài bèn phong quan tước cho người ấy những người ấy chối từ, chỉ xin nhà vua cho phép, và cho cả con cháu người ấy sau này được đời đời đặc quyền lấy yến

bán. Được chần phê ưng chuẩn cho thì người ấy làm nhà ở gần ngay thành phố Quảng-Nam rồi lập ra một làng thuần những con cháu mình, đặt tên là Yến-xã. Xã ấy binh lương sưu thuế đều được miễn trừ cả ; mỗi năm chỉ phải cống tiến vào nhà vua là 80 cân yến.

## Cách bổ yến sào

Yến là giống chim có hạnh sinh nước rã rất nhiều. Tổ nó là cái rã nó làm ra. Yến sào nẹ lắm, một cân thì được đến 50 cái. Giống nó kiếm ăn ở trên mặt biển ăn trứng cá ăn rong ăn rêu ngoài biển. Cho nên cái rã nó cho nhiều chất bổ, thành ra một vị có nhiều chất đậm, ăn tốt lắm. Yến-sào là một món rất quý đứng đầu bát-trần.

Nghĩa là tám món-sơn-hào hải-vị quý nhất trong sơn-hào là Tê-bì liêng nôm gọi là gia tây. Hùng chưởng tức là bàn chân con gấu, lộc-cân tức là gân hươu ; Hải-vị là Hải-sâm địa bể vẩy cá vẩy cá mập (xin xem Tạp-chí số...) bong bóng bong bóng cá thỏ — Sắc nó hơi trắng trắng, coi như từng sợi, sợi nó gắn liền với sợi kia ; hình dáng lùm lùm khum khum như cái thìa.

## Cách nấu ăn

Cách nấu thì chả cần phải nói. Chắc độc-giả đã thừa biết. Nhưng tưởng cũng bất ngoại hồ ăn với chim bồ câu ra giáng hãm rừ hay là hấp đường phèn và hạt sen.

Duy có lúc làm thì phải làm cho kỹ. Phải ngâm rồi nhặt cho rõ sạch cắt chim và những lông lá dính vào đấy, rồi đàn ra mà hong cho ráo đi. Yến-sào có ba thứ, một thứ đen đen, một thứ trắng trắng, và một thứ hồng hồng đỏ. Thứ đỏ này người ta quen gọi yến-huyết. Ăn nó có thể khỏi ho lao. Nhưng chính tôi thì chưa hề có thấy thứ này bao giờ. Những thứ mà tôi vẫn mua dùng, hoặc ăn ở nhà các quan trong Huế thiết thì là thứ trắng trắng cả, mà chính là hạ g « quan-yến » đấy.



Còn một thứ hơi vàng vàng, sấu hơn thì gọi là « địa tự yến ».

Ở các hàng cao lâu khách thì thường họ gợn ăn thứ yến giả, tục gọi là yến tàu; thứ này tức là một thứ rêu biển. Coi nó hơi giống giống yến thực, nhưng ăn nó hơi lầy lầy, không ngon không bổ gì.

### Cách lấy yến

Nó kén những nơi rổ cao mới làm tổ, làm vào trong khe, hoặc những hang hốc, lỗ lẽ để khỏi nắng mưa và sóng gió.

Việc lấy yến-sào khó lòng, nguy-hiểm lắm. Chúng tôi đã được mục kích xem lấy yến ở tại Cù-lao Cham, cách bờ biển Quảng-Nam 12 cây số.

Người đi lấy yến phải thực gan bạo, vững gia lắm. Họ dùng thang tre, thang mây, hoặc giấy thừng mà chèo lên trên đỉnh núi đá đứng chằm chằm vách thành, có khi phải chọt xuống những chỗ giốc thăm thăm. Nếu lỡ sẩy chân một cái thì đi đời. Thực là một nghề rất khốc nhọc.

Một nhà triết-học, Dr Sallet có viết trong Tạp-chi «Bulletin des Amis du vieux Hué» một bài kể cứu rất tường tận về yến sào. Trong bài ấy ông kể một chuyện lạ như sau này :

« Một người thuyền chài khách có một con khi

khôn y như người. Anh ta giẫy nó đi lấy yến sào. Mỗi khi chở thuyền cho nó đến cái núi nào có yến thì chỉ vị quàng cho nó cái dây, thả nó chèo lên lấy được bao nhiêu là bỏ cả vào dây rồi đem về cho chủ. Hễ nó lấy được về thì anh ta lại thưởng cho nó ăn những thứ quả mà xưa nay nó vẫn thích nhất.

Bạn chài thấy vậy lừa bắt lấy con khi ấy, cũng đem nó đi các nơi núi yến cố ép nó lên lấy yến-sào, chia các thứ quả ngon ra cho nó. Chẳng rề con khi ấy lại còn trung thành hơn nhiều người nữa. Nó cũng chèo lên lấy được yến xuống, nhưng chẳng thêm gì quả nọ, chạy thẳng một mạch, đem yến về cho chủ nó ».



Về hồi năm 1919, một người Hòa-thượng (khách buôn bán) ở Quảng-Nam thuê được lấy yến ba tỉnh là Quảng-Nam, Bình-Định, và Khánh-Hòa. Cũng phải nộp cho Nam triều một số là bao nhiêu cân yến ấy.

Ở ngày tại đấy mà chúng tôi đã thấy, năm 1920, họ bán thứ yến nhất hạng, tự là quan-tự-yến tới 120 và 140 đồng bạc một cân; hạng kém nhất cũng phải sáu chục hoặc hơn sáu chục.

## Luận-ngữ cách-ngôn

Tử-Cống viết, bần nhi vô siêm, phú nhi vô kiêu, hà như, Tử viết, khả giả, vị nhược bần nhi lạc, phú nhi hiếu dễ giả giả.

Thầy Tử-Cống rằng, nghèo mà không siêm, giàu mà không kiêu, thế nào? Đức Thánh rằng, khá vậy, chưa bằng nghèo mà vui, giàu mà hiếu dễ giả giả.

### NHÒI DỊCH

*Nghèo đừng nịnh, có đừng kiêu,  
Đường cư sử lúc giàu nghèo phải chưa?  
Nghèo mà vui về sớm trưa,  
Giàu mà giữ được lòng xưa mới là.*

Tử-Du vấn hiếu? Tử viết: kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng, chi ư khuyến mã, giai năng hữu dưỡng bất kính hà dĩ biệt hồ.

Thầy Tử-Du hỏi hiếu? Đức-Thánh rằng: nay chưng hiếu ấy, ấy rằng hay nuôi, đến chưng chó ngựa, đều hay có nuôi, chẳng kính sao lấy vậy ôi.

### NHÒI DỊCH

*Lạ gì chữ hiếu đời nay  
Nuôi cha mẹ, kẻ từng ngày đó thôi;  
Kia loài vật, cũng biết nuôi,  
Nuôi không biết kính, thì nuôi làm gì.*



# Những điều ngang chương, thô bỉ nên bỏ

Tiếng Việt-Nam nói nôm thường vốn là một tiếng có đủ văn vẻ, lịch sự, bóng bẩy, dịu dàng, nhưng chỉ vì không có mẹo luật gì, nên mỗi người, mỗi nhà, tùy phẩm giá, tùy chỗ ở hoặc kẻ chợ hay nhà quê, tùy cái địa vị mình, quen cách nào thì nói cách ấy.

Những kẻ hèn hạ không có học thức gì, kém giáo hóa hay vắng tục vắng giãc, bầy đặt ra những câu rất chua ngoa thực là không còn nghĩa lý gì nữa.

Có một điều rất hại là những trẻ con nhà tử tế, mỗi khi ra ngoài, thường nghe được những câu nhảm nhí ấy rồi tập giữ tính thành, sau khó mà chữa được.

Chúng tôi mở mục này, mong rằng Độc-giả chú tâm, dúp sức với chúng tôi, nhặt nhạnh những điều bậy bạ, có hại cho phong hóa, bầy tỏ ra họa may dần dần có bớt được chút nào chăng, tưởng cũng có bổ ích ít nhiều.

 **Chửi bậy, rửa càn.**  
hại đến thế nào.

Tục ngữ có câu rằng : Đa ngôn đa quá.  
Thực vậy, nói lắm lỗi nhiều.

Câu chuyện này là một chuyện chỉ vì nói phũ phàng mà đến án mạng.

Vào khoảng gần 30 năm nay — lâu ngày quá nên không nhớ rõ năm nào. — Một viên quản đờn linh-cơ đi đóng ở về huyện Vũ-Nhai (Thái-Nguyên) có một người vợ lắm nhời lắm điệu quá đỗi, cho đến nỗi hình như bạn thân, cũng vào hàng lắm điệu cả mà phải chỉ nghị cho là «mất giay». Ắt hay có tính chua ngoa, không kiêng nể gì ai, nay sinh sự với người này mai sinh sự người khác. Đến cả chồng là người thân yếu mà ả cũng chửi như chó ăn vãi mả. Xóm giềng ai cũng bỉ cũng ghét, nhưng cũng không ai dám giận.

Vợ chồng nhà ấy cãi chửi nhau là sự thường. Duy có một hôm, tức là ngày ả tận số, không biết vì việc gì, ả chửi chồng cả đêm đến gần sáng. Anh chồng chịu không nổi, phát cẩu lên mà bảo rằng : Nếu mày không im mồm thì tao cắt họng, (tiếng «cắt họng» cũng như những tiếng khác, nào là : «róc sác» «tuốt xương» «lột da» «vặn cổ» vân vân... là những tiếng nhiều người quen mồm vẫn nói ra song sọc, thực là những nhời nói khoác, có vẻ giã man mà không hiểu, không quan tâm gì). Chị vợ càng lên câu, nham nhảm chửi mãi, dùng hết nhời thô bỉ, thách thức nào những là : Mày không cắt được họng bà thì ăn nọ ăn kia (toàn là những câu ghê gớm không kể

ra cho hết được) anh chồng lúc ấy lại phải cố nhịn, cũng tưởng rằng nó nói mãi mỗi mồm thì thôi, nào ngờ nó lại càng gào thét mãi lên, nắm lấy anh ta mà chửi vào tận tai mà bảo vành tai ra mà nghe.

Phàm việc gì cũng vậy, cũng có chừng thôi chứ quá lắm thì cũng không ai chịu được. Trước anh ta còn rậm chân, nghĩ rằng mà đe qua loa cho xong. Nhưng vợ cũng nhất định không thôi làm cho hàng xóm không sao ngủ được. Mãi đến gần sáng thì hàng xóm tự nhiên thấy im đi, lúc bấy giờ ai nấy mới được ngủ yên, đến sáng hôm sau thấy thầy quản hô hoán rằng người vợ ấy, đêm qua cắt họng tự tử.

Ý tất anh chàng không chịu nổi, trong cơn quá giận mất khôn, không nghĩ gì nữa, đành phải làm thực hẳn.

Đi trình quan trên khám nghiệm, lấy cung chứng tá lân láng. Vợ chị ta là người xam xua, ai cũng ghét, nên ai ai cũng khai rằng hôm trước không thấy nhà ấy có tình gì khác, vẫn yên ả như thường. nay thấy thầy quản hô hoán lên, láng giềng chạy đến thì đã thấy chị ta nằm trên vũng máu đã đông lại, thì cũng biết thế vậy thôi.

Đấy một nhời nói hão, mấy câu chửi rửa ngoa ngoắt mà nên nông nổi.

Lắm gia-đình không được yên vui cũng chỉ vì những nhời nói không nghĩ đại khái như thế cả.

Vậy thì nhời nói rất nên quan hệ. Phàm đã nói ra điều gì là phải có nghĩ cả, không nên bạ đâu nói đấy.





# VĂN DỊCH

## Fable — La Fontaine

### *Le Savetier et le Financier*

Un savetier chantait du matin jusqu'au soir.

C'était merveille de le voir.

Merveille de l'ouïr : il faisait des passages

Plus content qu'aucun des sept sages (1)

Son cousin, au contraire, étant tout cousu d'or.

Chantait peu, dormait moins encore :

C'est un homme de finance.

Si sur le point du jour parfois il sommeillait,

Le savetier alors en chantant l'éveillait,

Et le financier se plaignait

Que les soins de la Providence

N'eussent pas au marché fait vendre le dormir.

Comme le manger et le boire.

En son hôtel il fait venir

Le chanteur, et lui dit : Or ça, sire Grégoire,

Que gagnez-vous par an ? par an ! ma foi, Mon-

sieur,

Dit avec un ton de rieur

Le gaillard savetier, n'est point ma manière

De compter de la sorte ; et je n'entasse guère,

Un jour sur l'autre : il suffit qu'à la fin

J'attrape le bout de l'année :

Chaque jour amène son pain

Eh bien ! que gagnez-vous, dites-moi, par journée?

Tantôt plus, tantôt moins : le mal est que toujours

(Et sans cela nos gains seraient assez bonnêtes)

Le mal est que dans l'an s'entremêlent des jours

Qu'il faut chômer : on nous ruine en fêtes :

L'une fait tort à l'autre ; et Monsieur le curé

De quelque nouveau saint charge toujours son

prône.

Le financier riant de sa naïveté

Lui dit : je vous veux mettre aujourd'hui sur le

trône

Prenez ces cent écus, gardez-les avec soin,

Pour vous en servir au besoin.

Le savetier crut voir tout l'argent que la terre

## Thơ cách ngôn

### *Anh hàng rệp và nhà tài chủ*

Hàng rệp nọ sáng chiều bắt văng

Lẳng tai nghe, trông thoáng cũng kỳ,

Lầy ngâm mấy khúc cổ thi

Nghêu ngao khoái lạc kém chi thất hiên (1)

Chẳng bù gã lẳng giềng giàu sụ

Hát đã không ma ngủ cũng thừa,

Kiếp nhà tư bản từ xưa

Họa may gần sáng bấy giờ chợ qua

Bị hàng dép bắt khua thức giay

Nhà phú ông ấy này kêu ca

Trời che đất chỗ cho ta

Không cho bán ngủ như là uống ăn

Mời chàng hát sang thăm nói chuyện :

Một năm ngai kiếm biện bao nhiêu ?

Chú hàng đứng đỉnh làm kiêu

Cười rằng tôi chẳng tinh điều ấy chi

Của đời tích làm gì kia chớ

Kiểm ngày nào tiêu phứa cho rồi

Quanh năm tận tảo lần hồi

Một ngày hai bữa nó rồi là 1 on

Ừ đã vậy ! một ngày bao chứ ?

Xin lẳng giềng nói thử tôi nghe

Khi nhiều khi ít bất kỳ

Khốn vì một nổi hội hè quanh năm

Giá không thể cũng làm thừa thãi

Hại chững ngày bắt phải nghỉ ngơi

Mà nào chỉ có thể thôi

Lại còn cố cựa vờ luôn luôn

Ngày lễ thánh thêm luôn ra mãi

Cái hại này rồi cái hại kia

Nhà giàu thấy hờ cười khi

Gạn rằng biếu bác ẽ quy trăm đồng

Đặt bác lên ngai rồng dây nhẽ

Món tiền này bác để cần tiêu

Chàng ta thấy thế ngỡ nhiều

Tiền trong giờ đất bấy nhiêu là cùng

(1) Sept sages ; nom donné à 7 philosophes de l'ancienne Grèce : Thalès de Milet, Pythagore, Bias, Cléobule, Myson, Chilon et Solon. Quelques auteurs en remplacent 2 par Périandre et Anacharsis.

(1) Sách nhỏ cũng có trúc lùn thất hiên là những ông : Nguyễn-Ích, Nguyễn-Hàm, Nguyễn-Lự và vân vân..... nhà Đông-Tấn.



Avait, depuis plus de cent ans,  
 Produit pour l'usage des gens.  
 Il retourne chez lui : dans sa cave il enserre  
 L'argent, et sa joie à la fois  
 Plus de chant ; il perdit la voix  
 Du moment qu'il gagna ce qui cause nos peines.  
 Le sommeil quitta son logis ;  
 Il eut pour hôtes les soucis,  
 Les soupçons, les alarmes vaines.  
 Tout le jour il avait l'œil au guet : et la nuit  
 Si quelque chat faisait du bruit,  
 Le chat prenait l'argent A la fin le pauvre homme  
 S'en courut chez celui qu'il ne réveillait plus :  
 Rendez-moi, lui dit-il, mes chansons et mon somme  
 Et reprenez-vous cent écus.

### Le cheval s'étant voulu venger du cerf

De tout temps les chevaux ne sont nés pour les  
 hommes ;  
 Lorsque le genre humain de glands se conten-  
 tait,  
 Ane, cheval et mule, aux forêts habitait :  
 Et on ne voyait point, comme au siècle où nous  
 sommes  
 Tant de selles et tant de bâts,  
 Tant de harnais pour les combats,  
 Tant de chaises, tant de carrosses ;  
 Comme aussi ne voyait-on pas  
 Tant de festins et tant de noces,  
 Or un cheval eut alors différend  
 Avec un cerf plein de vitesse ;  
 Et ne pouvant l'attrapper en courant,  
 Il eut recours à l'homme, implora son adresse.  
 L'homme lui mit un frein, lui sauta sur le dos,  
 Ne lui donna point de repos,  
 Que le cerf ne fût pris, n'y laissât la vie ;  
 Et cela fait le cheval remercie  
 L'homme son bienfaiteur, disant-je mis à vous  
 Adieu ; je m'en retourne en mon séjour sau-  
 vage.  
 Non pas cela, dit l'homme : il fait meilleur chez  
 vous,  
 Je vois trop quel est votre usage.  
 Demeurez donc : vous serez bien traité,

Trăm năm đúc dùng chung thiên-hạ  
 Nhận lấy rồi vội vã về ngay  
 Dưới hầm tiền bạc sếp đầy  
 Chôn luôn thú khoái vào đây một lần  
 Tiếng bát tự dần dần bằng mắt  
 Bởi vì chưng lân tật khổ đời  
 Thôi thôi ngủ cũng thôi rồi  
 Lo đâu nó đến chẳng ngơi chút nào.  
 Ngày đêm mắt chờ chờ cháo cháo  
 Những nghĩ rằng hoảng bão lâm phen ;  
 Sịch con mèo nhảy âm lên  
 Ối thôi ? mèo đã tha liền chẳng oan  
 Sau chịu phép chạy sang mà lại  
 Ông ngủ yên mãi mãi bấy lâu  
 Trăm đồng xin nộp lại hầu  
 Giả tôi giấc ngủ và câu hát cần.

### Ngựa trả thù nai

Giống ngựa nọ sinh ra từ thừa  
 Loài người còn ăn quả ăn hoa  
 Mới hay chẳng cốt cho tu  
 Trong rừng ngựa nghèo lừa la ở đầy  
 Chẳng hề có như ngày nay tá  
 Biết bao người cưỡi ngựa rong xe  
 Chiếu-xa kẻ đã é hề  
 Lại còn ngọc liễu loan xa cũng nhiều  
 Hẳn thời nó ăn tiêu cũng ít  
 Có đâu mà yến tiệc như nay  
 Chỉ vì nai ngựa một ngày  
 Thi nhau cùng chạy như bay rậm trường  
 Ngựa không thể kịp đường lanh lẽ  
 Bèn sinh lòng ghen tị tranh đua  
 Thấy người trí dũng có thừa  
 Lậy vua nhờ cậy trình thưa nỗi niềm  
 Đóng ràm lại người kìm cho chặt  
 Nhảy lên yên một mạch rước dài  
 Ngựa ta chẳng được nghỉ ngơi  
 Bắt nai kỳ được bỏ đời mới thôi  
 Ngựa đã được lựa lời cảm tạ :  
 Vì ân nhân khuyến mã từ đây  
 Nghìn thu ghi tạc ân này  
 Xin người nghỉ lại tôi đây về rừng  
 Người rằng không hãy ngừng lưu lại  
 Ở cùng ta khoan khoái hơn nhiều  
 Thấy người hữu dụng đủ điều  
 Ở đây được chuộng được chiều trăm khoan  
 Nơi ăn ở đủ vành chu tất



Et jusqu'au ventre en la litière.  
 Hélas ! que sert la bonne chère  
 Quand on n'a pas la liberté !  
 Le cheval s'aperçut qu'il avait fait folie :  
 Mais il n'était plus temps ; déjà son écurie  
 Était prête et toute partie.  
 Il y mourut en trainant son lien :  
 Sage s'il eut remis une légère offense.  
 Quel que soit le plaisir que cause la ven-  
 geance  
 C'est l'acheter trop cher, que l'acheter d'un bien  
 Sans qui les autres ne sont rien.

Nệm cỏ êm ấm ngập đến hông  
 Ngán thay ! cái cạm bụi hồng  
 Tự do đã mất còn mong nổi gì !  
 Ngựa tỉnh ngộ một thì cuồng dại  
 Chẽ mắt rồi nói lại được sao  
 Thôi thôi chuồng đã dựng cao  
 Dừa đường mang ách kiếp nào gỡ xong  
 Người khôn phải thuộc lòng đầy nhé  
 Nổi bất bình chớ kể thù chi  
 Dẫu sao cũng chẳng sướng gì  
 Chẳng qua mua đắt lấy gì làm vinh  
 Bổng nhưng ai có hơn mình

## Tập kiêu thơ cò

心閑無限傷心事 (六才子)  
 貴賤同歸土一垠 (唐詩)

Tâm nhàn vô hạn thương tâm sự  
 Quý tiện đồng quy thổ nhất khâu  
 Nỗi niềm tưởng đến mà đau  
 Thấy người nằm đó biết sau thế nào

兒女自然多分薄 (西廂)  
 此生長把惡情多 (情史)

Nhi nữ tự nhiên đa phận bạc  
 Tử sinh trường bả oán tình đa  
 Đau đớn thay phận đàn bà  
 Nhời là phận bạc cũng là nhời chung

獨把紅顏悞晚歲 (十才子)  
 總因造物不相容 (談瀛)

Độc bả hồng nhan ngu vãn tuế  
 Tổng nhân tạo vật bất tương dung  
 Phụ phàng chi mấy hóa công  
 Ngày xuân mòn mỏi má hồng phôi pha

紅顏自古知多少 (情史)  
 曾讀人間薄命書 (莊卿集)

Hồng nhan tự cổ tri đa thiếu  
 Tăng độc nhân gian bạc mệnh thư  
 Rằng hồng nhan tự thừa xưa  
 Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu

金鞋移步嫌苔濕 (情史)  
 瑤草瓊花百媚生 (夢中)

Kim hài gi bộ hiềm đài thấp  
 Gao thảo quỳnh hoa bách mỹ sinh  
 Hài văn lần bước dậm xanh  
 Một vùng như thấy cày quỳnh cảnh ngộ

與郎相見花間路 (西廂)  
 粉痕隱又露紅潮 (百美)

Dữ lang tương kiến hoa gian lộ  
 Phấn ngân ẩn ẩn rạng hồng châu  
 Chàng Vương quen mặt ra chào  
 Hai Kiêu e lệ nép vào dưới hoa

惟有斜陽夕落渚 (五美)  
 玉人長往影空存 (談瀛)

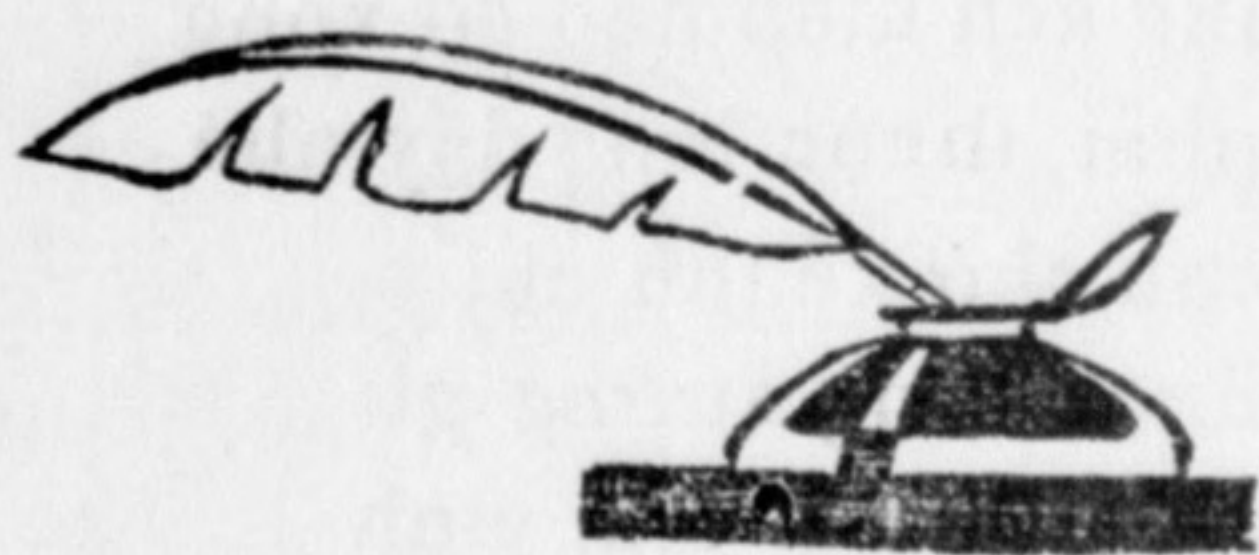
Duy hữu tà dương tịch lạc châu  
 Ngọc nhân trường vắng ảnh không tồn  
 Bóng chiều như dục cơn buồn  
 Khách đà lên ngựa người còn ghé theo

絲垂弱柳平橋晚 (詩林)  
 清弋江溪柳拂橋 (鼓吹)

Tơ thùy nhược liễu bình kiều vãn  
 Thanh giác giang khê liễu phất kiều  
 Dưới khe nước chảy trong veo  
 Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha



# TÌNH SỰ ĐÊ



**A**i bảo rằng chỉ có học nho khi xưa mới có tình nghĩa thầy trò, còn ngày nay thì

cương thường đảo ngược, luân lý suy đồi, nhe đường đạo đức ?

Mới đây có một cụ-giáo dạy học trường hàng Bơng vào khoảng 1895 đến năm 1905 cụ về hưu chỉ cũng đã khá lâu. Nay cụ đã già mà lại mắc bệnh trọng là bệnh tê liệt. Gia tư cũng vào bực trung, chứ không đến nỗi túng bấn, không thiếu gì mà cần phải ai giúp đỡ.

Nhưng học trò cũ của cụ, phần nhiều là thành đạt cả — nghe tin cụ đau, cùng nhau gom góp được một món tiền là 300\$00 dâng cụ gọi là tỏ chút lòng thành.

Việc này lại là việc ở ông Trần-kim-Ngọc mà chúng tôi đã có dịp ca tụng tấm lòng trọng nghĩa của ông ở kỳ Tập-chí trước, sướng xuất. Lại được mấy ông đồng-môn là : MM. Nguyễn-văn-Thị lớp 1896, Nguyễn-văn-Khang lớp 1898, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Tổ lớp 1903, Nguyễn-văn-Thụy lớp 1905, tán trợ cho.

Trong anh em, ai được tờ các ông đặt cho cũng hoan nghênh mà vui lòng theo các ông ngay. Chắc cũng còn nhiều người nữa, hoặc ở xa xôi, hoặc chưa được tờ đặt, không được biết, nên không được cái hạnh phúc mà cùng chung góp mấy anh em bạn học cũ. Những người chậm biết tin, chắc sau này, nếu tiện đường đi lại, sẽ đến thăm cụ giáo, mà có cách trở xa xôi ra nữa, thì tất cũng có tin về hầu cụ.

Ta ngày xưa có tục « đồng môn » — Anh em bạn học, cùng học một thầy, lớp trước, lớp sau khác nhau cũng là đồng môn cả. Đã có trưởng-tràng lập sổ sách biên tên từng người phân minh. Phàm nhà thầy có việc gì, như biếu, hỉ, kỵ, lập, học-trò đều phải đóng tiền biện lễ cả. Gio trưởng-tràng chiếu danh sách ra mà đặt từng người. Ta vẫn quen gọi là « tổng tiền đồng môn ».

Mỗi người từ lúc vỡ lòng cho đến khi đi khảo, đi hạch, đi thi được, phải chịu đến năm, sáu đồng môn là ít.

Càng năng phải đóng góp lại càng vinh hạnh chứ không ai có phàn nàn ngăn ngại chút nào cả.

Lại có một điều đáng khen nữa là, nhiều người không may mà không được hiển đạt, không có nghề nghiệp gì, không kiếm ra được đồng tiền nào, ngồi mà ăn lương chính thất, mà lại khốn nữa là ngay chính thất cũng chỉ buôn thúng bán mẹt, tần tảo bữa hôm lo bữa mai, thế mà mỗi khi phải đóng tiền đồng môn cho chồng là bà đi vay đi mượn cầm cố bán trác lo được đủ thì lấy làm vẻ vang vô cùng, chỉ nghĩ câu sáu chàng hồ ai, lo sao cho được đề sĩ diện cho chồng, dầu vất vả khó nhọc đến đâu cũng không quản.

Cao thượng thay ! Quý hóa thay !

Chúng tôi lấy làm xung xướng rằng nhân dịp nọ mà được bày tỏ ra đây là cái nền tinh thần đạo đức của tổ tiên ta đã sây đắp trên đất nước này trải mấy nghìn năm nay không bao giờ suy truyền được

Nhưng nếu ta đã có cái nền tốt như thế thì cũng phải chăm chút mà gìn giữ bồi bổ cho được thực vững bền.

Vậy thì lấy cái gì, làm thế nào mà giữ gìn bồi bổ cho được ?

Tưởng không gì bằng gia-đình giáo-dục. Chúng tôi đã nhiều lần bàn về gia-đình giáo-dục. Xin xem lại những bài ý tưởng về việc dạy con trẻ mà chúng tôi đã đăng từ đầu.

Kỳ sau sẽ xin nói thêm về vấn đề này, so sánh cân nhắc về lối dạy trẻ ngày xưa và ngày nay





## Cái chế-độ gia-đình của ta ngày nay tiên-hóa ra làm sao ?

Ai cũng biết ngày xưa cái Chế-độ gia đình của ta rất là liên chặt, cái phạm-vi gia-đình ta rất là rộng rãi, cái ảnh hưởng gia-đình ta đối với cá nhân và xã-hội rất là xấu sa.

Cái gia-đình ấy đã có nhiều người nghiên-cứu rõ ràng, không còn phải nhắc lại nữa nay thử xin xét xem cái chế độ ấy hiện ngày nay tiến hóa ra làm sao.

Cứ thực ra thì đại đa số gia-đình ở nước ta ngày nay có lẽ cũng chẳng khác gì những gia-đình ngày xưa; phần tử quốc đầu ta là các người làm ruộng ở chốn thôn quê mà những người này vẫn giữ cái chế độ gia đình như xưa, cái làn sóng văn minh thế giới bây giờ ít có ảnh hưởng đối với những người ấy. Song nếu ta thử xem một phần những người hoặc đi buôn bán, hay là làm thợ, và nhất là những người tân học, thì ta thấy cái chế độ gia-đình của họ không khỏi bị cái tân trào nó lay chuyển, các hạng người này không phải là ít; nhất là phái tân học, là các người có học thức trong nước do ở nền giáo dục mới mà ra, thật không phải là một phần quốc dân không nên bàn đến vậy.

Buổi chiều đi chơi những nơi thành thị, thường gặp những gia-đình nho nhỏ dạo chơi trên con đường rộng, hoặc trên bờ sông, khi thì một đôi uyên-ương đi đôi cùng nhau, trò chuyện vui cười, khi thì một người thiếu phụ ngồi xe tay nhà hoặc có âm đưa con nhỏ, một chàng thanh niên âu phục đi xe đạp bên cạnh; Kỳ giả nghĩ thầm: «một cảnh gia-đình lối mới».

Xét cho kỹ, những gia-đình này, lối mới là phần nhiều lối mới bề ngoài, chứ theo ra cái số gia-đình giống hẳn như gia-đình Âu-tây ở xã-hội ta ngày nay cũng còn ít. Song những cái gia-đình này tiến hóa dần dần có lẽ một ngày kia sẽ giống như chế độ gia-đình ở bên Âu-mỹ bây giờ.

Chế độ gia-đình ở Âu-mỹ hiện nay thế nào? Cái gia-đình này chỉ có hai vợ chồng và các con vị thanh niên mà thôi, gia-đình này là do ngày xưa có người cha, người mẹ và tất cả các con cháu chặt gai, rồi

mỗi ngày cái phạm vi càng hẹp lại mà như ngày nay.

Gia-đình của ta cũng thế, xưa kia cái phạm vi rất rộng, gồm cả: Ông bà, bố mẹ, anh em, chú bác, anh em thúc bá v. v. hiện nay phạm vi ấy càng ngày càng hẹp lại, chỉ còn cha mẹ và anh em chị em ruột mà thôi, còn các người khác, cái tình liên lạc càng ngày càng sơ ra vậy.

Lại xét trong tình liên lạc của các con đối với cha mẹ và đối với nhau, thì khi các người ấy đã thành niên, thành gia-thất rồi cũng tiến hóa theo một lẽ, là mỗi ngày một sơ ra.

Sự tiến hóa ấy là bởi những nguyên nhân gì?

Các dân làm ruộng ở thôn quê ít khi đi ra khỏi làng, cấy cấy sinh nhai ở trong làng xóm, người trong họ thường ngày trông thấy nhau luôn, những khi nhàn rỗi, hôm tối thường đến thăm nhau, trò chuyện âu yếm cùng nhau, cái mối liên lạc vì thế mà mỗi ngày một bền chặt một thân thiết.

Ngày nay đường xá mở mang mỗi ngày một nhiều, cách giao thông ngày càng tiện, nên những người buôn bán, những người kỹ nghệ; Họ thường thường hay đi xa làm ăn các người làm việc nhà nước cũng vậy, mỗi người đi làm một chỗ, người trong họ vì có sinh nhai cần kíp mà phải tan nát các nơi, ít khi được gặp mặt nhau, ít khi trò chuyện với nhau, vì thế mà tình càng ngày càng sa, tục ngữ có câu: «Họ hàng xa, không bằng láng giềng gần» mặt xa thì lòng cũng xa, tâm lý người ta như thế. Cái cơ xa nhau ấy, có nhẽ mỗi ngày càng mạnh, càng làm cho các người trong họ xa nhau, vì xã hội đối với mọi người mỗi ngày cái phạm vi càng rộng thêm. Trước kia người Annam ta ra khỏi làng khỏi tỉnh mình đã coi mình như là người lạ, bây giờ cái xã-hội không phải là một làng một tỉnh nữa, cái xã-hội là cả một xứ, một nước, đi đến đâu là nhà ở đấy, nên nói rằng cái phạm-vi xã-hội đối với người ta càng ngày càng rộng, thì cái tình liên lạc các người trong một họ rải-rắc mọi nơi, lại càng ngày càng to vậy.



Sự tiến hóa của gia-đình Annam ta như trên đã nói, lại còn bởi một nguyên nhân khác là pháp luật trong nước còn thay đổi. Ngày xưa pháp luật bắt buộc các người trong họ phải liên lạc với nhau, ví trong họ một người phạm tội, mà có khi nhiều người khác cũng phải trách-nhiệm. Có nhiều tội nặng phải chết ba họ. Ngày nay thì không thế, người đã đến tuổi thành-niên thì làm gì phải chịu trách nhiệm lấy mà thôi.

Thường thấy đã có nhiều người làm điều gì, cha mẹ ngăn cấm, thì nói rằng : « nay con đã đến tuổi thành niên, con được tự do mà làm ; bởi thế cha mẹ đối với các con bây giờ cũng bớt cái oai quyền như trước, mà đến như các anh em ruột đã thành gia thất rồi cũng dần dần mỗi ngày một xa nhau.

Nói về các người tân học thì xét ra cái ảnh hưởng của sự giáo dục mới khiến cho họ mỗi ngày một nhẹ nghĩa gia-tộc. Ngày xưa, « Cá nhân có giá trị là đối với đoàn thể gia-tộc, vì người ấy có thể nối dõi tông đường, có thể làm cái giây liên-lạc buộc người trước nối người sinh về sau. Cá nhân bị cái nghĩa gia tộc nó lấn áp hết đi, những người tân học bây giờ ít người có cái tư tưởng như thế, phần nhiều họ cho cái bản thân người ta cũng có một cái giá trị riêng chứ không phải vì có thể làm nối dõi trước với đời sau. Họ nặng về cái bản thân hơn, thì tất phải nhẹ bên gia-tộc, coi thấy cái chế độ gia-đình của người Âu-tây là những người văn-minh hơn mình, thời cái chế độ như thế tất phải hay, khiến cho con người ta được thảnh thơi sung sướng hơn cho nên bắt chước.

Còn một cái nguyên nhân quan trọng nữa. Gia-tộc ta không phải là chỉ có những người sống thôi, mà lại kể cả những người đã quá khứ nữa. Thờ phụng tổ-tiên là một cái chức trách rất to của người trong họ, cái chế độ đó gia đình của ta vững vàng phần nhiều là nhờ ở cái quan niệm về sự thờ phụng tổ-tiên của ta bền chặt đã thành như một cái tôn giáo vậy. Nay cái gia đình của ta tiến hóa, phạm vi mỗi ngày một hẹp, có lẽ cũng phần nhiều bởi cái chế độ phụng sự tổ tiên của ta nay bị lay chuyển, nay ta thử xét xem cái chế độ phụng sự tổ tiên ấy bị lay chuyển vì những nguyên nhân gì, cái nguyên nhân này có vì tình thế kinh tế trong nước hoặc thuộc về vật chất, hoặc về tinh thần.

Ta hãy vào một cái nhà người ở thôn quê, thường thường cái nhà làm năm gian, ở gian giữa kê bàn thờ, trước bàn thờ là chỗ tiếp khách, các gian bên cạnh vừa là chỗ ngủ, chỗ ăn, cha mẹ, con cái đều ăn ngủ ở đây, ngay ở bên cạnh bàn thờ, ngày ngày như núp dưới bóng tổ-tiên, công việc ta làm như là vâng mệnh tổ-tiên chỉ bảo cho, anh em thành gia thất rồi cũng phần nhiều ăn ở gần chỗ thờ tổ như thế, ngày thường trông thấy bàn thờ, và trông thấy nhau, vì chung một ông tổ, mà cái mối đoàn thể gia tộc lại càng vững bền, ta lại vào một cái nhà người ở nơi thành thị, không có nhà năm gian chạy dài, nhà hẹp và sâu, thường vì hẹp mà có 2, 3 tầng. Bàn thờ đặt riêng ở một chỗ, thường ở gác cao nhất, người nhà thường hay đi lại qua lẫm, và không ăn ngủ ngay ở bên cạnh, các đồ thờ cũng đã thấy thay đổi, trước thì đèn dầu nam, đèn dầu hỏa, bây giờ dùng đến đèn điện, ống hoa có khi dùng cái lọ hoa mua ở bên Tây. Thậm chí đã thấy có nhà muốn cho tiện việc, bày đồ thờ trên mặt cái tủ « huỳnh-phê ». Cái sự thay đổi nhà ở như thế, các sự thay đổi trong cách xếp đặt bàn thờ, và chỗ ăn chỗ ngủ của người nhà, trong sự dùng những vật liệu mới để làm đồ thờ, ta chớ coi là thường, các sự biến cải đều về phạm-vi vật chất cả, nhưng không khỏi không có ảnh hưởng về đường tinh thần, về tính tình con người ta. Người ta không ăn ngủ ở ngay bên cạnh bàn thờ, hình như không thường được núp dưới bóng ông tổ, vì thế mà trong lòng nhiều khi quên nhãng đi, như ở nhà quê, lúc nào cũng thường thấy bàn thờ, thì cái lòng nhớ ơn tổ tiên, có lẽ không mấy lúc quên được.

Sự thờ phụng tổ tiên ngày nay thay đổi lại còn vì tình thế kinh-tế trong nước như trên đã nói. Bây giờ các cách giao thông mở mang, những người buôn bán hoặc thợ thuyền thường bỏ làng đi sinh nhai mọi nơi xa lạ như phái tân học, hoặc còn đi học, hoặc đã có chức-nghiep gì, phần nhiều cũng ở xa làng cả, bởi vậy ngày tết ngày giỗ, là những ngày người trong một họ cùng đến lễ « tổ », họp mặt, mà những người ấy thường không về được, như thế là mất nhiều dịp có thể làm cho cái nghĩa gia tộc được bền chặt vậy. Ta có cái tục rất hay là ngày tết, ngày giỗ, các người trong họ đi thăm mộ tổ tiên, đến nay, nhất là đối với những người tân học, cái tục ấy không thể còn được nữa.

(Kỳ sau sẽ đăng tiếp)



# CÂU CHUYỆN THƯỐC

## NÓI VỀ GIUN (tiên trùng 鞭虫)

(Tiếp theo)

*Hỡi các bà hiền mẫu Việt-Nam ơi, nên mau mau làm thế nào cho con trẻ khỏi có giun.*

Trong tạp-chí số 47 chúng tôi đã nói rõ về bệnh sán, nay lại xin nói thêm về bệnh giun hiểm nghèo đến thế nào, vì bệnh này ở Bắc-kỳ hay có lắm. Trong một trăm đứa trẻ thì đến ngoài chín mươi đứa mắc phải!

Giun tên chữ là Tiên-Trùng., chữ pháp ascaris (ou ascarides) là một giống trùng, con cái dài từ 20 đến 25 phân tây, mà con đực đến 15, 17 phân tây. Sắc nọ trắng như sữa, mình nó rắn mà lại co ra co vào được, hai đầu cũng thuôn thuôn nhọn. Nó ở trong ruột non người ta. Nó thì xứ nào cũng có nhưng ở xứ nóng, nhờ cái nhiệt độ và thấp khi, thì nó dễ sinh sản lắm.

Thường thường thì một người có lắm sán con trong ruột non, nhưng cũng có người có kể đến hàng nghìn con một lúc.

Người ta hay mắc phải là vì ăn những thứ đồ ăn sống như rau sống, củ cải đỏ, hoặc quả mà bị bón bẩn có trứng giun dây vào. Nuốt vào trong bụng thì trứng ấy nở ra, rồi những con run con chui ra ngoài ruột, rúc vào gan rồi lần lần lên đến phổi, lên đến bụng, thế là lại sa vào trong cuống họng rồi xuống ruột. Từ bấy nó cứ ở trong ấy mà lớn dần lên. Người ta đồ chừng rằng nó lên lối đi như thế trong vòng độ mười hôm.

Xem như vậy thì đủ biết rằng những người chân lấm tay bùn, như những người đi cày đi cuốc, làm mỏ, đào đất, và những trẻ con tinh nghịch vầy đất vầy cát, nếu trước khi ăn không rửa tay cẩn thận hoặc giả những người có tính hay ăn giở đất thì hay nuốt phải trứng giun vào.

Hình như những trẻ con hay dễ mắc hơn người nhớn. Người ta đã nghiệm ra súc vật cũng vậy những con non hay bị hơn là những con già.

Người ta chưa cứu ra được là giun ở trong ruột người thì ăn bằng gì. Nhật thuyết nói rằng

mồm nó có môi có răng giam giáp cả để vào lần trong ruột người ta mà hút máu như đĩa vậy. Nhiều nhà lương y bàn rằng nó chỉ hút những cái chất ở đó ăn tiêu ra.

Không phải là giun nó cứ ở trong ruột mãi đâu, có khi nó còn đi vung ra khắp cơ thể khác như là nó xuống già-giầy làm cho người ta thổ ra, có khi thì nó ngoi lên cổ, lên cuống phổi, lên cuống họng lên ống hơi, lên cuống mũi.

Có một vài bệnh người ta thấy giun đâm thủng là nhĩ chui ra đằng tai, có khi lên mũi mắc ở đấy rúc lên kẽ mắt mà làm lòi cả kẽ mắt ra,

### Bản thống kê

Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ có nhiều người bị bệnh giun nhất.

Cứ như bản thống kê của bác-sĩ C. Mathis và M. Léger :

#### Bắc-kỳ

Trung-châu Trung-du Thượng-du Annam

|             |      |      |      |      |
|-------------|------|------|------|------|
| Người lớn : | 71%. | 76%. | 62%. | 66%. |
| Trẻ con :   | 91%. | 92%. | 65%. |      |

Vậy thì tính trung bình là : 71%.

Thế mà người Việt-nam chưa chiếm được quán quân đâu. Ở Cao-ly thì số trung bình là 76% và về phía bắc Trung-hoa thì đến 88%.

Ở các xứ văn-minh, nhờ được y-học mở mang nên cái số trung bình ấy ít lắm.

Vậy thì người Việt-nam ta, có học thức, nên giảng giãi cho đồng-bào chăm chữa cho con cái khỏi bệnh giun để tránh khỏi các ác tật vì bệnh giun mà sinh ra.



Chứng bệnh xem thế nào mà biết là có bệnh giun ?

Thường thường hề thấy trẻ đi ra giun, hoặc phân có bọt có trứng thì biết là có giun. Vả lại hề cứ thấy những chứng kể sau này thì cũng đủ biết :

Đau bụng ở ngang giữa giữa.

Hay ợ.

Hay thồ (mửa).

Đau quặn trong bụng.

Hết đi tả lại táo,

mạch chạy không đều,

nôn nao trong người.

Có khi lại chóng mặt, có khi đến ngắt người đi nữa, Khi nào mà giun ở vào khúc ruột nối ruột non với ruột già thì có thể quấy cho sưng khúc ruột nối ấy mà sinh ra lắm chứng bệnh lạ. Có khi sinh ra thiên đầu thống (đau màng óc, nôn mửa, sốt, đau gò ruột) tựa hồ như là vì bị những con giun ấy nhả nước độc ra.

Lại còn có lắm khi nặng lắm nữa là nếu giun ra được ngoài ruột rồi mà rớt xuống cái màng bụng làm cho sưng cái màng ấy lên thì có thể chết người nó cũng có thể làm mọc ung thư trong bụng, khi mổ ung ấy ra thì có khi chui cả vào gan, làm cho tắc các khiến rồi sinh ra bệnh vàng cả người hay là ung gan.

### Cách chữa

Theo cách chữa thái tây thì có ba thứ thuốc giun thường dùng ; nhưng phải nhớ rằng thuốc mà làm cho giun phải say được thì nếu dùng quá liều tất độc cả cho người nữa và nhất là cho trẻ con.

Mỗi khi mua thuốc giun phải kể với hàng bào chế Tây cẩn thận, nói thực là mua cho người bao nhiêu tuổi, để cho người ta cân cho đúng liều.

#### 1.) *L'essence de chenopodium*

Thuốc này thì ban sáng lòng không, uống ba liều cách nhau độ một hay hai giờ. Uống hết ba liều rồi thì nghỉ 2 giờ rồi uống thuốc tây, (Ví dụ như *sulfate de soude*).

Người nhớn thì mỗi bận uống là 15 giọt trẻ con từ 1 đến 2 tuổi thì mỗi bận uống là 2 giọt ; ba đến 5 tuổi thì ba đến 5 giọt ; từ 6 đến 10 thì 6 đến 8 giọt ; từ 11 đến 16 tuổi cũng như người già ngoại năm mươi thì uống 8 đến 12 giọt.

Thuốc ấy chỉ phải giở giọt vào miếng đường mà ngậm. Thực là thứ thuốc giun thần hiệu. Đã có

người uống thuốc ấy mà một lần ra 95 con giun.

#### 2.) *Santonine*

Trẻ con ít ra phải đủ hai tuổi Tây ; nghĩa là tính tháng đủ 24 tháng, mới uống *Santonine* được. Thuốc này cũng uống vào buổi ban sáng đương đói, cứ mỗi tuổi uống được có 0gr.01 centig. thôi. Các hàng bào chế tây đã có chế sẵn thứ kẹo dun ngọt từng ly thuốc (centigramme) một.

Uống luôn ba buổi sáng như vậy. Nhưng uống *Santonine* thì nên uống lẫn *calomel* vào để tẩy luôn mỗi tuổi thì uống được 0gr 05 centig. *calomel*.

Như một đứa bé đủ hai tuổi (24 tháng) thì uống được ba gói, mỗi gói là :

*Santonine* 0gr.05

*Calomel* 0, 10

*Lactose* 0, 50

Uống luôn ba buổi sáng, uống mấy sữa

Người nhớn uống *Santonine*, nhiều nhất cũng chỉ được mấy liều 0gr.20 mà thôi.

#### 3 ) *Semen contra*

Thuốc *Semen contra* này cũng phải trẻ con từ đủ hai tuổi tây (24 tháng) trở lên mới uống được, cứ mỗi tuổi là 0gr.50 centig, Thuốc này đáng nên phải uống với nước ngọt.

Như đứa bé lên 2 cho đến 5 tuổi tây thì được uống.

*Poudre de semen contra* 2 gr.

*Monsse de corse* 5 gr.

*Lait bouillant* (sữa nóng) 100 gr.

*Sucre* (đường) cho đủ ngọt.

Người nhớn thì uống được đến 6 gr. là nhiều nhất.

Một người khán hộ tập sự

Cái lệ giết sâu bọ của ta sáng sớm ngày mồng 5 tháng 5, chủ ý hay là để trừ giun, hóa cho nên ta vẫn cho trẻ uống một tý thần, ăn bánh làm bằng quả giun. Thứ quả giun này cũng hay lắm, trừ giun. Nhưng sau này, vốn người ta hay có tính vẽ vờ, nên mới thêm đặt ra mồi, nào cho ăn mồi, ăn mồi, ăn dưa, thành thử ra trừ giun chẳng thấy đâu, lại chỉ thêm hại.

Ở đời, phần nhiều việc như vậy, mới đặt ra thì hay, mà rút cục, vì người ta sai nhầm mà thành ra tệ. Mong khi chúng tôi có dịp nào cũng xin bày tỏ đây, mong rằng có bổ ích ít nhiều chăng.



## CÂU CHUYỆN BÊN TÂY

## Viếng trận-địa Verdun

## I – Trận đánh Verdun

Cuộc Âu-chiến kéo dài trong bốn năm giờ, mà kịch liệt nhất thời ở về trận Pháp. Lúc đầu thời đánh cách « động binh ». Quân Đức chếm phía Bắc và phía Đông Bắc nước Pháp. Sau lúc trận sông Marne, Quân Đức phải lùi; bên giữ địa thế hiểm yếu mà đào hầm đứng lại. Đến năm 1916, vua Guillaume II muốn quyết chiến một phen, Bộ tham mưu định lấy Verdun làm mục đích. Ấy vì nhiều lẽ : Vì Verdun là một chỗ mặt trận Pháp ăn vào trong trận Đức, vì từ lúc khai chiến đến bấy giờ, vùng Verdun yên lặng. Quân bị Pháp đóng đẩy sơ sài. Lẽ cốt yếu nhất, là Verdun có nhiều dinh đồn kiên cố, đứng vững đã nhiều phen trong lịch sử; đối với địa thế quân Pháp đóng. Verdun là chỗ « bàn lẽ » cái cốt mà xung quanh quay lên quay xuống mặt trận Pháp, tùy theo khi được khi thua. Nếu Verdun mất thời mặt trận Pháp mất một cột trụ, lòng khảng khái của binh lính cũng sẽ vì đó mà xiêu.

Vậy đến hạ tuần Février 1916 thời khai chiến.

Nhưng có một điều nên biết là nói rằng thành Verdun ấy là nói một bức tường che nhà cửa quân lính mà thôi. Nói Verdun, tức thị là cả vùng Verdun. Thành phố Verdun là nơi trung điểm xung quanh có nhiều từng đồn che bọc; cũng như là nói thành Hà-nội tức là nói cả những đồn che Hà-nội về phía trên, như Hòa bình, Yên-bái, Thái-nguyên, Việt-tri, Kép vân vân...

Đồn; đồn không phải là thành-tri, nhà cửa xây cao. Đồn là một gò núi cao nhất trong vùng. Từ đây người ta có thể trông khắp xung quanh. Trong khơi đá ấy, hầm đào ụ đắp, tường xây giầy tới hai thước tây, mà toàn bằng xi-măng lẫn sỏi, trát ngoài sườn sắt, giầy sắt lớn hơn ngón chân cái. Có ụ bọc sắt để cho súng Đại-bác, súng cối say có ụ để nắp người quan sát trận thế, có hang đào sâu dưới ba bốn mươi thước tây để cho lính đi đi, lại lại. Đứng ngoài trông vào thời chỉ thấy hào sây xung quanh, giầy sắt có gai rải rắc từ phía chỉ

thấy lỗ hình chữ nhật chia ra từ phía để bắn súng thần công hay súng cối xay. Trên tường xi măng, lại còn đắp đất giầy tới 4 mètres, nếu đứng xa trông lại không ngờ chỗ ấy có thành.

Xung quanh Verdun có hai từng đồn như thế, đồn Douaumont, Thiaumont, Souville, Vaux, Saint Michel, Froideterre, Vacherauville, vân vân ... Các đồn cách nhau độ 5, 6 km. Đồn đứng vững chừng nào thời binh không có thể đi lọt qua được. Vậy mục-đích quân Đức là chiếm dần dần các đồn ấy.

Cuộc đánh nhau thế nào, ta chẳng cần biết chuyện tỉ mỉ. Ta chỉ nhớ qua rằng, trận Verdun bắt đầu bữa 21 Février 1916. Bữa đầu quân Đức đánh áp từ bắc tới nam, về hữu ngạn sông Meuse thời tiến khá chóng, nhưng về tả ngạn quân cứu viện Pháp tới nên quân Đức lên chậm. Thành thử ra súng Pháp ở vùng này bắn lia sang hữu ngạn vào trong đội lính Đức. Quân Đức phải bỏ mặt Bắc mà đánh áp vào mặt Đông. Trong khoảng 4 ngày quân Pháp chống hết sức, nhưng thua to. Ngày 25 Février, thời đồn Douaumont đã vào tay quân Đức.

Thành Douaumont là một đồn rất mới, rất kiên cố. Ấy là cột trụ cho vùng Verdun. Đồn Douaumont mất thời ảnh hưởng trời rợp từ phương. Ông Krompritz tố cáo với hoàn cầu rằng : « Trong lúc khảng khái tiến lên » đội quân Brandebourg đã tới làng và đồn thiết-giáp Douaumont mà đã nhảy vào chiếm được » cái tuyên cáo ấy đã làm núng lòng cả nước Pháp. Nhưng chuyện này rất mờ ám. Người Pháp trả lời rằng, ngày 25 Février, một người quan hai đức đưa lính đi tuần xung quanh đồn, thấy đồn vắng người, bèn đưa lính vào chiếm; lúc bấy giờ trong đồn chỉ có một ít người với một ông coi súng mà thôi. Có một người lại nói rằng, bữa ấy ông ấy đóng quân gần đây thấy quân Đức giả mặc đồ lính zouaves (algérie) mà thỉnh lách cướp thành.

Sự thế nào mặc lòng, đồn Douaumont mất; giải đất chung quanh cũng mất. Nhưng quân Pháp đánh lại rất hăng, nếu hai bên đều đứng lại. Tiến lên thời lại chỉ mấy trăm thước đất, mà không biết bao



nhiều mạng người bị thiệt. Lúc bấy giờ Nguyên-soái Pétain tới đốc quân ở Verdun lòng quân khảng khái, nên đến tháng Juin, quân Đức quyết chiến một phen nữa nhưng cũng không tới Verdun được, từ đấy cho đến hết năm, quân Đức chỉ cùng thế thờ; nên quân Pháp lấy lại được phần đất đã mất, và trận thế lại trở lại như lúc đầu năm.

Ấy hơn sáu mươi vạn người đã bỏ thân vào đám đất bé nhỏ kia, mà trong gần một năm giờ đánh xé hai quân hăng bại.

Sở dĩ đánh nhau bấy giờ chết như thế là vì súng bắn rất trúng và rất mau.

Súng cối xạ bắn một phút 250 phát, cách độ một, hai kilômètres thời người ta không thể qua thoát được. Vậy công việc lính đi chân. (Fautassin) rất nguy hiểm. Trước lúc lính đi chân xông vào đánh lấy một khốe đất nào thời súng đại bác phải bắn «dọn đường» trước đã, có bao nhiêu nhà cửa bao nhiêu chum cây có thể núp súng cối-xạ đều bị bắn phá.

Hoặc có lúc, áp trận muốn thỉnh lính, thời súng đại-bác «ngăn đường» trước, quân tiến theo sau. Đạn rơi xa chừng nào thời quân tới lên chừng ấy. Nhưng nói thế đủ biết rằng một trận đánh chắc chắn tổn biết bao nhiêu là súng đạn. Ngày đầu ở trận Verdun, quân Đức bắn có tới hai triệu quả trái phá. Hồi Juillet, quân Pháp đánh lại một trận bằng sức thần công, dùng tới một vạn tám ngàn khẩu súng đại-bác. Thuốc đạn tổn hết mấy ngàn triệu quan.

## II - Những điều trông thấy

Verdun là một thành phố bé, trông vừa buồn vừa buồn. Buồn vì nào xe motos tới nào xe camions chạy, còi kêu chói óc, bụi bay lăm lăm. Buồn vì đi ra đường chỉ gặp nhà binh, vì trại lính cảnh trông lạng ngắt, vì thành trì uy nghiêm và trơ trọi; buồn vì đài kỷ-niệm tử sĩ, đài kỷ niệm thắng trận bằng đá xám, cao ngất xây trên một thềm thang khổng-lồ. Chỉ có sông Meuse trông ra hơi êm mắt, chia đôi thảnh phố, ngọn nước lơ lơ vẩn quanh các cột gỗ số là cầu.

Verdun đã trải qua một cuộc binh hỏa kịch liệt nhất trong thế-sự, mà bây giờ khách đi đường có ai trông thấy dấu tích gì đâu. Chỉ có người hướng-dạo trs cho chúng tôi cái thành Verdun bị bắn, mấy

cuốn sách cứu được trong nhà thư viện bị cháy: chỉ nghe kể truyện rằng một quả trái phá làm phúc — không có nhiều — đã rơi vào trong một nhà thờ cổ, phá một bức tường và làm lòi những cửa rất xưa.

Thành Verdun, không mang vết chiến tranh. Nhưng nếu ai đi ra khỏi Verdun, về tả ngạn hay là hữu ngạn, đi tới miền Morhomme hay tới Douaumont, thời sẽ thấy một cảnh tượng làm cho mình rùng mình sồn óc, ở đấy đã đánh nhau hai dân tộc cường thịnh nhất trong thế giới, ở đấy đã sung đột hai nghị-lực cứng như đá như đồng; nghị lực Đức quyết đi qua, nghị lực Pháp quyết chống lại. Tưởng tượng sau này một sự tai họa gì tiêu-diệt hết nhân loại, nếu không ai biết đến chuyện Âu-chiến, lúc bấy giờ ai đi tới đấy thời sẽ cho lỗ đạn là dấu chân một đoàn quái vật gì đã vầy nhau trên khoảng đất này.

Dọc đường xe lửa, đã thấy hằng hà sa số lỗ trái phá Đồng bằng, sườn núi đầy những chỗ lồi chỗ lõm như một bãi tha ma mới cất mồ. Lỗ lớn lỗ bé khít nhau hay trồng nhau cái lớn có tới hơn mười thước tây chiều rộng đạo qua trường chiến trận, cảnh đầu như cảnh chiêm bao, đất còn thành vục giầy sắt có gai rải-rắc khắp nơi. Thanh sắt mít nhọn, kết thành chong chóng cắm ngồn ngang. Tuy mười năm năm chia cách thăm-kịch với bây giờ, mà cây cỏ chưa lại-ngỉ đất còn trơ trọi, rừng bụi lơ thơ. Những rừng ngày xưa như rừng Caures bây giờ chỉ thấy cây bé, thấp le-te, hút màu mỡ của đám đất đã lấp bao nhiêu là huyết, thịt. Một khoảng ta biết rằng đấy ngày xưa là một đám rừng Cội tàn, cao ngất cây non, hình như cũng mừng cho tụi hậu-tiến mà cũng tiếc sự đời. Nói đến rừng Caures tôi không thể quên tên ông quan năm Driaux. Lúc khởi chiến, ông còn làm nghị viên. Ông xin từ chức mà về cầm quân. Ông đóng quân ở rừng Caures. Ngày 21 Février, đội quân ông tuy ít mà chịu chết hết cả trong rừng ấy chớ không lui. Ông bị tử trận. Nhờ đội quân ấy, nên quân cứu viện mới có thời giờ tiếp cứu.

Bãi chiến trường còn đầy những súng hư đạn dỉ. Biết bao nhiêu đồ xuống, xâu, mũ sắt, mũ pháp chóp bầu có sống mũ đức chóp bẹp và chơn lý. Nào bidons đựng rượu, nào dây lẩn với đất bùn. Trông thấy đôi giày mà nghĩ tới người đã bỏ xác ở



đây. Ai ơi đừng đạp lên trên chiếc mũ dỉ, đôi giày hư; vì chỉ có chừng ấy là di-vật của người vô danh.

Đường quanh leo núi, đưa tới Louvemont. Một làng nhà xan xát khi xưa, mà bây giờ không còn một di-tích gì hết. Nhà cháy còn có tro tàn, nhà phá còn dấu đá gạch. Còn một làng mà trận mưa trái phá đã qua thời, đã không vết tro tàn, mà đá gạch cũng đã vụn ra như đá đất thiên nhiên. Nếu không có đài kỷ niệm thì khách qua đường ngỡ đâu ở chỗ đất hăm đá ụ này khi xưa là một làng. Làng Louvemont không phải một mình bị tiêu-diệt. Biết bao nhiêu làng về phần trận địa đã bị gạch tên trong sồi địa phương như làng Douaumont, làng Vaux v. v..

Không phải người đầu độc ác phá tan nhà cửa mà chơi; nhưng vì khi giáp trận, một cái nhà còn là một tổ súng cối xay.

Hầm Lưỡi-lê (Tranché baïonnettes), một sân nhà dài chừng ba mươi thước, hạt đầu gấp khúc thước vuông. Nhà xây bằng xi-măng sắc sạm, hai hàng cột thấp rợp bóng vào trong tối mù. Cúi đầu trông vào thời đầy những tháp ác rành hoa lác đác, nhô lên trên mặt đất những lưỡi lê dỉ xám, quần queo như là cây héo mùa đông trong một đám hoa đầu mùa. Chỗ này lưỡi-lê đứng thành hàng, chỗ kia, xúm xít lại một góc, cái xiên, cái thẳng. Người viếng cảnh cất mũ cúi đầu, ngẫm nghĩ đến cái thảm kịch đã xảy ra chỗ này mới mười bảy năm. Tưởng tượng những người tướng sĩ còn bỗng súng đứng đội hiệu lệnh dưới một thước đất, để xông vào lò chiến trận. Tục truyền rằng đội quân thứ 137 này ban đêm một ngày tháng Février năm 1914 kia, tới vùng này, làn dưới mưa tuyết và mưa đạn; tới thay cho một đội khác đã tan thành nước thành bùn. Đương khi len bước trong hầm, thời một quả trái-phá tới khỏa đất lên trên hầm, chôn đứng mấy chục người dưới đất. Cái nhà che cho người đất lấp, cái đài kỷ-niệm ta thấy bây giờ do người Mỹ xây đề ghi lại cái hồn dụng cảm của lính Pháp. Trước cửa có khắc một câu rằng: «Tặng các anh em còn ngủ đứng dưới này». Ấy là tục truyền. Nhưng sự thực khác «Người chết đầy đều nằm sống sệt» ấy là những người hướng đạo, một ông quân binh đã từng đánh trận Verdun giảng cho chúng tôi. Sở dĩ bây giờ lưỡi-lê lòi lên trên mặt đất, là vì súng dựng bờ hầm. Người nằm đây cũng như hàng triệu người nằm chỗ khác. Nhưng một điều

là lưỡi lê lòi trên mặt đất. Vì thế người ta lấy chỗ này biểu hiệu cho lòng quyết tử của lính Pháp trong khi chống chọi đất nhà.

Douaumont! Douaumont! một khối đá giữa đồng, đứng trên một nhón đất. Một miếng đất nhỏ bé, mà biết bao nhiêu mạng người đã thiệt vì mây. Khi xưa một khối thành kiên cố, ẩn nấp bao nhiêu đại-bác cối-xay, một lỗ đen đứng ngoài trông thấy là một lỗ chết người bây giờ lưng mây đầy những lỗ, gai sắt mây dứa bé giấm treo qua. Thân mây bị mổ, một quả trái phá 420 (đường kính đo được 420 m/m) đã đâm qua bốn mètres đất và hai mètres bê-tông và lỗ trong ruột mây, giết chết bảy người lính bắn súng cối-xay.

Chui xuống hầm xem, đường hang tối mò mò, được chân nước bùn lồm bồm. Dưới ngọn đèn mới chỉ thấy xích đạn và một chiếc xuống mà quân Đức dùng để đi lại trong hầm lúc giờ mưa to.

Đồn Vaux cách Douaumont độ bốn năm km. cảnh tượng bây giờ tiêu điều. Như con dao bầu, đâm vào thịt, trái phá đã bừa bức tường: gân sắt kéo nhằng, xương đá thịt xi-măng vương vít, loen hoen sắc đỏ, hình như dấu huyết chưa khô. Đồn Vaux cũng đã bị vào tay quân Đức. Ông quan năm Raynal giữ đồn giữ lấy phía trong hầm; quân Đức đóng trên mái đồn. Quân Đức không vào được mà quân Pháp cũng không tài nào vượt ra khỏi cái màn đạn của Đức. Khi ta chưa tới nơi trận địa thời tưởng tượng rằng với súng đạn ngày nay, hai quân đánh nhau cách nhau ít ra cũng một vài kilometres. Nào ngờ đánh nhau giáp mặt, khi xưa ta gọi bằng «áp lá cà», bắn nhau kề miệng súng, đâm nhau bằng lưỡi-lê, ném nhau bằng tạc đạn. Kẻ nấp vào hầm, người phun lửa vào, hoặc un khói vào, như là ta giết ruồi giết muỗi. Ông Raynal chống trong bảy ngày. Sau cùng không có nước mà uống, không có đạn mà bắn, ông phải ra hàng. Ông Kronprinz tướng Đức hết lòng khen ngợi.

Trong vùng chiến địa có vô số là đài kỷ-niệm những người tử trận Đồn Douaumont đứng cao trên nhón núi cao một giải nghĩa địa quăng dài trước mặt; tháp ác lô nhô như hoa nở mùa xuân. Thấy cảnh mà ngậm ngùi ai là người không cảm động. Trước đài một người Pháp cúi đầu đứng ngẫm. Trong nhà một người Đức đứng nói truyện với một người Anh hai hàng nước mắt chảy dòng dòng.

Verdun ngày 6 Mai 1931.



Ngày 28 tháng 10 ta tức là le 7 Décembre 1931

Ở **Qui-Nhơn** mới mở thêm cửa hàng chuyên môn bán các thứ chè lâu nhỏ cánh xanh nước, cất tại núi Võ-gi-sơn và Bạch-lam-sơn  
Có những chè gì ?

# CHÈ

Kim-Thái hiệu Sư-Tử  
Công-Thái hiệu Kỳ-lân  
Tam-Hỷ hiệu Tam-tinh  
Ngũ-phúc hiệu 5 con giò  
Minh-Thái hiệu Thái-cực  
Tân-Thái hiệu Con voi

Xin mời các quý khách quá bộ tới **hiệu chè Kim-Thái** ở phố Khách mua dùng đủ nhiều dù ít bản hiệu xin hết lòng hoan nghênh.

**Haiphong.**— phố Khách số 140 Téléphone 272

**Hanoi.**— phố hàng Ngang số 3 Téléphone 480

**Thanh-hóa.**— phố Nhớn số 62

**Qui-nhơn.**— phố Khách

Kính cáo

CHỮA BỆNH LẬU

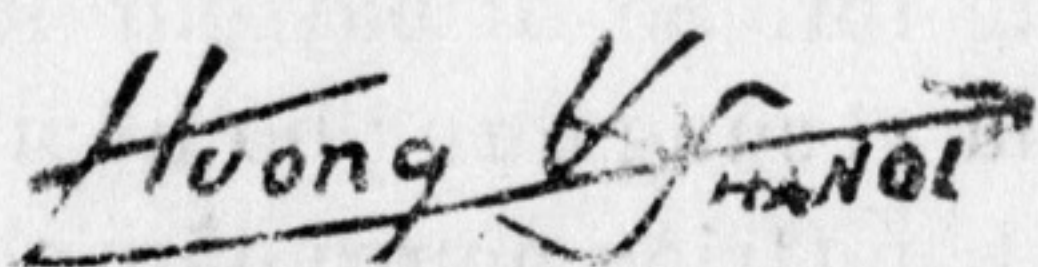
## Không lấy tiền

Xin kính mời các ngài nào mắc phải bệnh Lậu, bệnh Giang-mai, mới hay là lâu ngày, bất cứ đàn-ông, đàn bà, cứ đến hiệu PHÚC-ĐÌNH PÈRE giốc hàng Kèn số 88 Hanoi mà uống thuốc. xin kính tặng chữa cho kỳ khỏi không lấy tiền. Chúng tôi đã đặt phòng riêng đủ các máy móc, đồ dùng, thụt rửa, để chuyên môn chữa bệnh Lậu và Giang-mai, dù bệnh nặng thể nào hay là lở loét qui-dầu mặc lòng và bệnh Giang-mai phát hạch lên soài nóng, rét đau các đầu xương, rức trong tử, phá lở khắp người, sắp nguy đến tính mạng. Chỉ uống thuốc độ 2 giờ là công-hiệu, trong 5 ngày khỏi hẳn, không hại đường sinh-dục, đàn-bà có thai cũng uống được. Môn thuốc lậu này chúng tôi nghiên-cứu hơn 30 năm giờ chữa 100 người không sai một. đã được nhiều các ngài ngợi khen. Vì thế chúng tôi mở một phòng riêng để chữa giúp các ngài nào phải bệnh Lậu cứ đến tại hiệu PHÚC-ĐÌNH PÈRE mà uống thuốc, không mất tiền, không sợ tiền mất tật mang. Nên làm phúc mách cho mọi người phải bệnh Lậu đều biết.

Hiệu PHÚC-ĐÌNH PÈRE nghiên-cứu hơn 30 năm chữa bệnh đau dạ giầy phòng thất, ho lao, ho sản, sốt rét, sốt nóng, ngã nước, cảm, cúm, tê-thấp, trẻ-con cam sài, lậu, tim-la, và các bệnh hiểm nghèo v.v... đã nổi danh tiếng khắp cõi Đông-Pháp và các nước, đã được nhiều Certificats các quan tây ở Paris và các tỉnh ban khen. Các ngài dùng thuốc hay hỏi han điều gì, thư và mandat xin đề :

PHÚC-ĐÌNH PÈRE dit TRẦN-VIỆT-BÍNH

Rue Lê-Lợi N° 88 Hanoi Téléphone N° 880

**Phạm nhìn thấy bức ảnh nào đẹp mà  
có giá trị thì thấy có chữ ký** 

Imp. spéciale du Tứ Dân Tạp Chí

Le directeur gérant : Thiết-Như-Ngọc



# NGUYỄN-MẠNH-BÔNG

Chủ-nhân nhà thuốc "Hương-Hát-Dược-Phòng"  
Đông-Phương Hồng-liệu bệnh-viện Phân-viện trưởng

## HỒNG-LIỆU-HỌC-SĨ

Tổng-cục: 92, Boulevard Bonnal, Haiphong

Có mấy thứ thuốc linh-nghiem do cụ Mai-Lộc Nguyễn-Mạnh-Hương thân sinh ra ông Nguyễn Mạnh-Bông chế ra như sau này:

I

## BỒ "TRUNG ICH KHỈ HOAN"

Thuốc bổ thận cố tinh

Mỗi lọ 1\$20

Thông-trị các trường đàn ông chơi bời quá-độ. Lo nghĩ nhiều đường, làm ăn nhọc mệt. Ớm yếu vừa xong. Lậu lâm mới dứt, ăn yếu uể lải, xấu máu da vàng. Rất bổ rất tốt!

II

## HỒ CỐT MỘC QUA TỬU

Rượu tề thấp ngâm với hồ-cốt.

Mỗi chai 1\$00

Thông-trị các chứng đòn đánh, tề-bại, đau mình đau xương.

III

## NỮ-PHỤC-KIM-ĐAN

Thuốc điều kinh bổ huyết đàn-bà.

Mỗi lọ 1\$20

Thông-trị các chứng đàn-bà xấu máu, dễ xong bị bệnh, con gái không điều kinh, hiếm con, Ớm yếu còm gầy, khí hư, băng huyết.

IV

## THUỐC LẬU SỐ 1

Thông-trị các bệnh lậu nhẹ nặng

Mỗi hộp 1\$00

Các thứ thuốc nư ho, hen, đờm, xuyên, tả, lỵ, cam-tích, cảm sốt, Ớn nhiều. Xin đến số nhà 37 Phố Lamblot Hanoi ngay ngõ Huyện trông ra, nhà có cây cối um tùm, ta gọi là Phố Nhà thờ cũ.

# QUẢNG CÁO

Thị thành, Thị thành

Đôi những tay sành

Lời đời biết của

Đã rên rũa

Họ: vẫn rộng xa

Nước mắt hạt nhà

Sao mà đen thế:

Đề tôi xin kể

Cách họ làm hàng

Cha thính gạo rang

Hoặc chưng nước mặt

Pha phách nhiều chất

Xương lợn là dầu

Quê chỉ lấy màu

Vừng rang lấy vị

Ta người thành thị

Khác kẻ quê mùa

Tiền việc thì mua

Không hay suy sết.

Chắc ai cũng biết

Cá có đen đâu!

Muối cũng một màu

Trắng tinh ở bề

Họ pha họ chế

Ra đỏ ra đen

Khuất mắt không xem

Nên không biết tởm

Còn cách ghê gớm

Vỏ dứa chua me

Nước hàng đỏ nhuộm

Nước Giành Hoàng bá

Nước mắt không cá

Nhắm mắt mà dùng

Một sự lạ lùng

Người đời dễ quích

Nếu bảo sở thích

Lại đáng buồn cười

Phàm sự ở đời

Ưa đen hay trắng?

## ĐOÀN-ĐỨC-BAN

Chủ nhà nước mắm Vạn-Vân cửa hàng:

số 2 phố bến tàu Haiphong

32 phố hàng Nâu Hanoi



Chuyên môn Bán và Chữa các thứ MANCHON các kiểu đèn Đun nước các thứ đèn Điện pile đèn Điện magnéto đèn xưởn giấu hỏa đèn giấu hỏa đèn phare giấu hỏa 200b dùng ở đâu cũng được.

Hoa trắng nhà làm theo lối Nhật rất nhả và lịch sự 0\$10 một thước tây. Chỉ 10 thước cũng làm l ng lầy và vui mắt một gian phòng. Ới catalogue ở ĐẶNG-VĂN-TÂN. Lampiste 29 Rue du Coton (Hàng-bông) Hanoi Giày số 514



# KIM THAI TRA

春  
禧

茶 泰 金

恭  
祝

Hanoi Hàng Ngang số 3

Haiphong Phố Khách số 140

Xuân sang hoa cỏ đua tươi  
Hiệu chè Kim-Thái mừng người dầu sang  
Xin mừng ngựa ngọc nhà vàng  
Xin mừng bạc vạn tiền ngàn dung dinh

Xuân sang hoa cỏ đua tươi  
Hiệu chè Tam-Hỷ mừng người tốt duyên  
Giai anh hùng gái thuyền quyền  
Càng sâu nghĩa bể càng bền tình sông

Xuân sang hoa cỏ đua tươi  
Hiệu chè Nhất-Phẩm mừng người thắng quan  
Triều đình vông lọng nghênh ngang  
Hải văn nhẹ bước trên đường ngựa xe

Xuân sang hoa cỏ đua tươi  
Hiệu tré Ngũ-phúc mừng người sống lâu  
Ở đời khỏe mạnh làm đầu  
Chè hiệu Kim-Thái hợp mẫu vệ sinh

Xuân sang hoa cỏ tung bừng  
Hiệu chè Công-thái chúc mừng Tử-dân  
Sĩ, nông, công, cổ, đồng nhân  
Trên đường tân tiến trăm phần thịnh hưng  
Kim-Thái kính mừng

Phạm nhìn thấy bức ảnh nào đẹp mã  
cỏ giá trị thì thấy có chữ ký *Hương K. Hanoi*